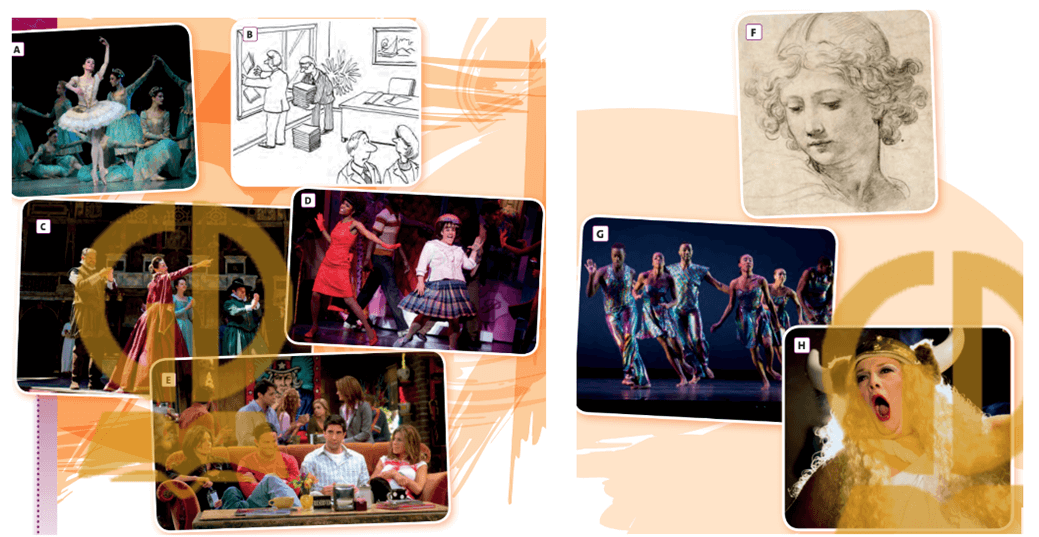
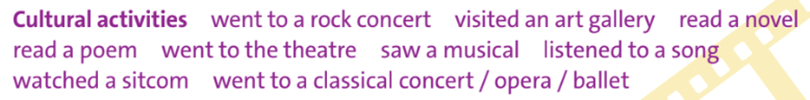
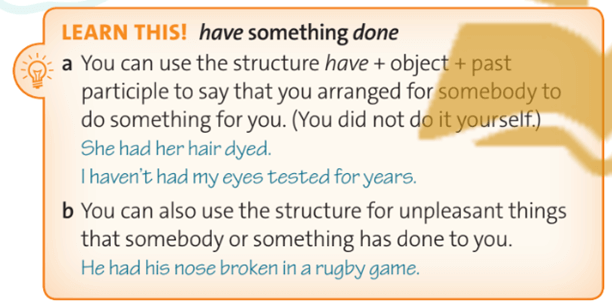
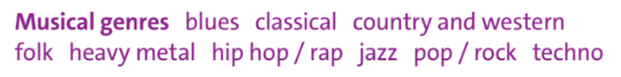
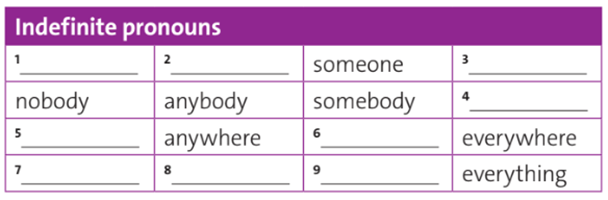
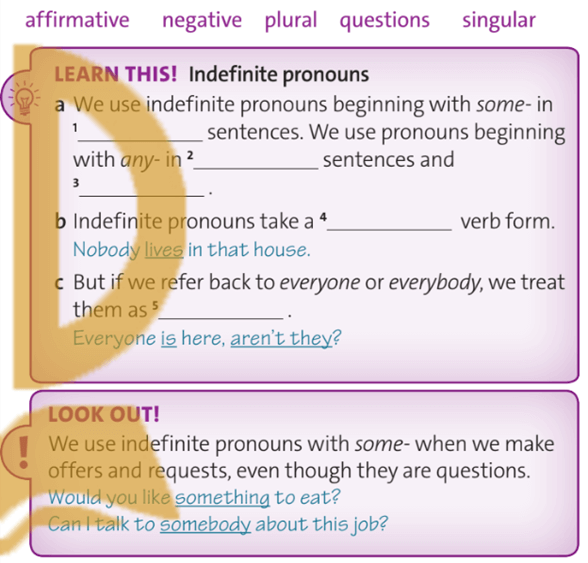
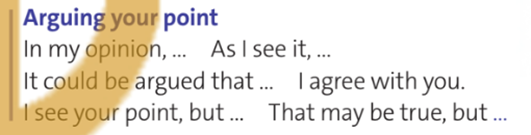
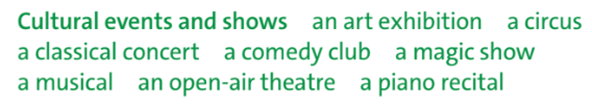
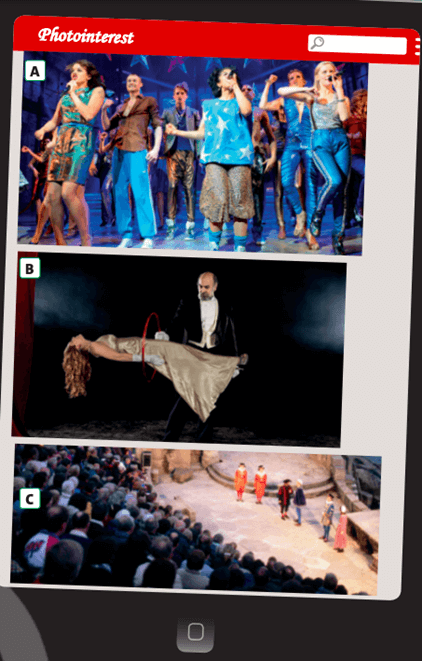
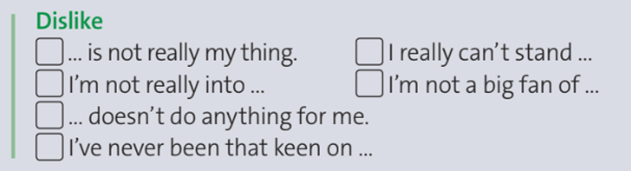
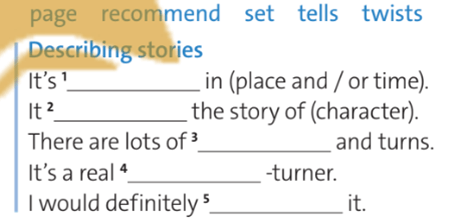
# Unit 7: Artists

**Giải Tiếng Anh 11 Unit 7: Artists**  
**Unit 7A. Vocabulary (trang 84, 85)**  
**1 (trang 84 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: VOCABULARY Match the photos (A - H) with art forms the list below. In your opinion, which art form needs the most skill and which the least? Give reasons, using the phrases below to help you. (Ghép các bức ảnh (A - H) với các hình thức nghệ thuật trong danh sách dưới đây. Theo bạn, hình thức nghệ thuật nào cần nhiều kỹ năng nhất và hình thức nào ít nhất? Đưa ra lý do, sử dụng các cụm từ dưới đây để giúp bạn)   
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**A**  
  
  
**B**  
  
  
**C**  
  
  
**D**  
  
  
**E**  
  
  
**F**  
  
  
**G**  
  
  
**H**  
  
  
  
  
ballet  
  
  
cartoon  
  
  
classical music  
  
  
mime  
  
  
sitcom  
  
  
drawing  
  
  
dance  
  
  
opera  
  
  
  
  
In my opinion, ballet requires the most skill, and sitcoms require the least.  
You have to have a high level of technical proficiency, physical strength, and emotional expression in order to be a good ballet dancer. It takes a lot of practice to achieve the level of proficiency.  
Sitcoms don't necessarily require the same level of technical skill or physical prowess as ballet. It's relatively easy to learn the basics of comedic timing and acting, and with a bit of practice, one can become a competent sitcom actor.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Theo tôi, múa ba lê đòi hỏi nhiều kỹ năng nhất và hài kịch tình huống đòi hỏi ít kỹ năng nhất.  
Bạn phải có trình độ kỹ thuật cao, sức mạnh thể chất và biểu cảm cảm xúc để trở thành một vũ công ba lê giỏi. Phải thực hành rất nhiều mới đạt được mức độ thành thạo.  
Phim sitcom không nhất thiết đòi hỏi trình độ kỹ thuật hoặc sức mạnh thể chất như múa ba lê. Tương đối dễ dàng để học những điều cơ bản về thời gian và diễn xuất hài hước, và với một chút luyện tập, người ta có thể trở thành một diễn viên hài kịch tình huống có năng lực.  
  
**2 (trang 84 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Put the art forms in exercise 1 into four groups. Some can go in more than one group. (Xếp các loại hình nghệ thuật ở bài tập 1 thành 4 nhóm. Một số có thể đi trong nhiều hơn một nhóm)  
  
**Đáp án:**  
A. Literature: sitcom  
B. Music: classical music  
C. Performing arts: ballet, mime, dance, opera  
D. Visual arts: cartoon, drawing  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Văn học: sitcom  
B. Âm nhạc: nhạc cổ điển  
C. Biểu diễn nghệ thuật: ballet, kịch câm, múa, opera  
D. Nghệ thuật tạo hình: phim hoạt hình, vẽ  
  
**3 (trang 84 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: VOCABULARY Work in pairs. Name one famous person for each type of artist below. (Làm việc theo cặp. Kể tên một người nổi tiếng cho mỗi loại nghệ sĩ dưới đây)  
  
**Gợi ý:**  
- Actor: Meryl Streep  
- Composer: Ludwig van Beethoven  
- Conductor: Gustavo Dudamel  
- Dancer/Choreographer: Misty Copeland  
- Director: Steven Spielberg  
- Novelist: Toni Morrison  
- Opera Singer: Luciano Pavarotti  
- Painter: Vincent van Gogh  
- Playwright: William Shakespeare  
- Poet: Maya Angelou  
- Pop Singer: Beyoncé  
- Sculptor: Michelangelo  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Diễn viên: Meryl Streep  
- Sáng tác: Ludwig van Beethoven  
- Nhạc trưởng: Gustavo Dudamel  
- Vũ công/Biên đạo múa: Misty Copeland  
- Đạo diễn: Steven Spielberg  
- Tiểu thuyết gia: Toni Morrison  
- Ca sĩ Opera: Luciano Pavarotti  
- Họa sĩ: Vincent van Gogh  
- Nhà viết kịch: William Shakespeare  
- Nhà thơ: Maya Angelou  
- Ca sĩ nhạc Pop: Beyoncé  
- Nhà điêu khắc: Michelangelo  
  
**4 (trang 85 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Complete the arts quiz. Use vocabulary from exercises 1, 3 and the correct form of the verbs in the following list. Then do the quiz and check your answers at the bottom of the page. (Làm việc theo cặp. Hoàn thành bài kiểm tra nghệ thuật. Sử dụng từ vựng từ bài tập 1, 3 và dạng đúng của động từ trong danh sách sau. Sau đó làm bài kiểm tra và kiểm tra câu trả lời của bạn ở cuối trang)  
  
1. Which italian Renaissance artist (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the Mona Lisa?  
a. Michelangelo  
b. Leonardo da Vinci  
c. Caravaggio  
2. Which Russian (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ wrote the music for the ballet Swan Lake?  
a. Shostakovich  
b. Rachmaninov  
c. Tchaikovsky  
3. Which of these films was not (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ by Steven Spielberg?  
a. Jaws  
b. 2001: A Space Odyssey  
c. Schindler's List  
4. Which Shakespeare (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ inspired the film West Side Story?  
a. Romeo and Juliet  
b. Julius Caesar  
c. A Midsummer Night's Dream  
5. Which famous (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ cut off part of his ear?  
a. Monet  
b. Cézanne  
c. Van Gogh  
6. Which British (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ sang on the 2011 hit Someone Like You?  
a. Adele  
b. Ellie Goulding  
c. Calvin Harris  
7. Which of these film series did actor Robert Pattinson not (7) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ ?  
a. Harry Potter  
b. Twilight  
c. The Hobbit  
8. What is the name of the famous (8) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in the photo?  
a. Mark  
b. David  
c. Anthony  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. drew - b  
  
  
2. composer - c  
  
  
3. directed - b  
  
  
4. play - a  
  
  
  
  
5. painter - c  
  
  
6. singer - a  
  
  
7. appear in - c  
  
  
8. carver - b  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Họa sĩ thời Phục hưng người Ý nào đã vẽ bức Mona Lisa?  
- Leonardo da Vinci  
2. Nhà soạn nhạc người Nga nào đã viết nhạc cho vở ballet Hồ Thiên Nga?  
- Tchaikovsky  
3. Bộ phim nào sau đây không do Steven Spielberg đạo diễn?  
- 2001: Cuộc phiêu lưu không gian  
4. Vở kịch nào của Shakespeare đã truyền cảm hứng cho bộ phim West Side Story?  
- Romeo và Juliet  
5. Họa sĩ nổi tiếng nào đã cắt một phần tai của mình?  
- Van Gogh  
6. Ca sĩ người Anh nào đã hát trong bản hit someone Like You năm 2011?  
- Adele  
7. Diễn viên Robert Pattinson không xuất hiện trong loạt phim nào sau đây?  
- Người Hobbit  
8. Tên của người thợ điêu khắc nổi tiếng trong bức ảnh là gì?  
- David  
  
**5 (trang 85 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen to four people talking about cultural events. Match sentences A—E with the speakers (1-4). There is one extra sentence. (Nghe bốn người nói về các sự kiện văn hóa. Ghép câu A—E với người nói (1-4). Có một câu thừa)  
Track 3-02  
This person  
A. thought that they might change their mind about something.  
B. was persuaded to go to the event by someone else.  
C. was disappointed with the experience, but is planning to try it again.  
D. was surprised by how good the event was.  
E. organised the outing to the event.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. C  
  
  
3. B  
  
  
4. E  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
1. Last weekend I went to a gallery in London with my parents. There was a big exhibition of modern art on that they wanted to see. I really wasn’t particularly keen to go as I’m not a big fan of modern art, but I like to keep an open mind and was prepared to revise my opinion. So I went along with them. The artist, who’s already quite famous, had created some sculptures using everyday objects from around her home. My parents loved it, but although one or two of the sculptures were quite interesting, I didn’t really understand what the artist was trying to say. I’ll think of an excuse if my parents ask me again.  
2. Last summer I went to a music festival with a group of friends. It was the first time I’d been to a festival. I wasn’t planning on going but a friend had a spare ticket. Anyway, I was really looking forward to it. Unfortunately it rained most of the time and the field we were camping in turned into a sea of mud! I didn’t mind that really, but I thought the music would be better. The bands weren’t particularly well known and the one band I was looking forward to seeing cancelled at the last minute. Despite that, we’ve agreed to go again next year.  
3. Last month I went to the theatre with my family. We saw a play called An Inspector Calls by J. B. Priestly. We’re studying the play at school. It’s a bit boring and I’d already seen it a couple of times on DVD, but mum convinced me that it would be a good idea to see it again. Anyway, it was as bad as I’d feared. It was a local amateur theatre company and the acting was pretty awful. I suppose it didn’t do me any harm though. Seeing a live performance at the theatre has helped me to get to know the play a bit better.  
4. I hardly ever watch or listen to musicals – maybe about once a year, if that. But last weekend I went to see Mamma Mia! in London. I’m a big ABBA fan and I’d been meaning to go and see it for ages. I asked lots of friends to come along, but only two agreed. Anyway, I booked really good seats right at the front. It was an amazing experience! As I expected, the music was fantastic, as were the singers and dancers. I’m going to go again, but I need to find someone else to go with as my friends weren’t so impressed by it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Cuối tuần trước tôi đã đi đến một phòng trưng bày ở London với bố mẹ tôi. Có một triển lãm lớn về nghệ thuật hiện đại mà họ muốn xem. Tôi thực sự không đặc biệt muốn đi vì tôi không phải là người hâm mộ nghệ thuật hiện đại, nhưng tôi muốn giữ một tâm hồn cởi mở và sẵn sàng sửa đổi ý kiến của mình. Vì vậy, tôi đã đi cùng với họ. Người nghệ sĩ, vốn đã khá nổi tiếng, đã tạo ra một số tác phẩm điêu khắc bằng cách sử dụng những vật dụng hàng ngày xung quanh nhà của cô ấy. Cha mẹ tôi rất thích nó, nhưng mặc dù một hoặc hai tác phẩm điêu khắc khá thú vị, nhưng tôi không thực sự hiểu người nghệ sĩ muốn nói gì. Tôi sẽ nghĩ ra một cái cớ nếu bố mẹ tôi hỏi lại tôi.  
2. Mùa hè năm ngoái tôi đã đi đến một lễ hội âm nhạc với một nhóm bạn. Đó là lần đầu tiên tôi đến một lễ hội. Tôi không định đi nhưng một người bạn có một vé dự phòng. Dù sao, tôi đã thực sự mong đợi nó. Thật không may, trời mưa hầu hết thời gian và cánh đồng chúng tôi cắm trại biến thành một biển bùn! Tôi thực sự không bận tâm về điều đó, nhưng tôi nghĩ âm nhạc sẽ hay hơn. Các ban nhạc không đặc biệt nổi tiếng và một ban nhạc mà tôi mong chờ đã bị hủy bỏ vào phút cuối. Mặc dù vậy, chúng tôi đã đồng ý đi lại một lần nữa vào năm tới.  
3. Tháng trước tôi đi xem hát với gia đình. Chúng tôi đã xem một vở kịch tên là Cuộc gọi của thanh tra của J. B. Priestly. Chúng tôi đang học vở kịch ở trường. Nó hơi nhàm chán và tôi đã xem nó vài lần trên DVD, nhưng mẹ đã thuyết phục tôi rằng nên xem lại nó. Dù sao thì nó cũng tệ như tôi đã lo sợ. Đó là một đoàn kịch nghiệp dư địa phương và diễn xuất khá tệ. Tôi cho rằng nó không làm hại tôi. Xem một buổi biểu diễn trực tiếp tại nhà hát đã giúp tôi hiểu rõ hơn về vở kịch.  
4. Tôi hầu như không bao giờ xem hoặc nghe nhạc kịch – nếu có thì khoảng một năm một lần. Nhưng cuối tuần trước tôi đã đi xem Mamma Mia! tại Luân Đôn. Tôi là một người hâm mộ cuồng nhiệt của ABBA và tôi đã định đi xem nó từ rất lâu rồi. Tôi đã rủ rất nhiều bạn bè đi cùng nhưng chỉ có hai người đồng ý. Dù sao thì, tôi đã đặt chỗ rất tốt ngay phía trước. Đó là một trải nghiệm tuyệt vời! Đúng như tôi mong đợi, âm nhạc thật tuyệt vời, các ca sĩ cùng vũ công cũng vậy. Tôi sẽ đi một lần nữa, nhưng tôi cần tìm một người khác để đi cùng vì bạn bè của tôi không ấn tượng lắm về điều đó.  
  
**6 (trang 85 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Take turns to tell each other about the last time you did one of the things below. Include the time, place and your feelings. (Làm việc theo cặp. Thay phiên nhau kể cho nhau nghe về lần cuối cùng bạn làm một trong những điều dưới đây. Bao gồm thời gian, địa điểm và cảm xúc của bạn)  
  
**Gợi ý:**  
A: So, the last time I went to an art gallery was a few weeks ago. It was at the National Gallery in London. I went with my friend, and we saw an exhibition of impressionist paintings. It was really amazing to see the paintings and appreciate the brushstrokes and colors. I felt inspired and energized after the visit.  
B: That sounds great. The last time I went to a rock concert was last month. It was at the O2 Arena in London, and I saw my favorite band perform live. The atmosphere was incredible, and I loved singing along with the crowd. I felt so happy and alive during the concert, and it was definitely one of the best experiences of my life.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Lần cuối cùng tôi đến một phòng trưng bày nghệ thuật là một vài tuần trước. Đó là tại Phòng trưng bày Quốc gia ở London. Tôi đã đi với bạn của tôi, và chúng tôi đã xem một cuộc triển lãm tranh trường phái ấn tượng. Thật là tuyệt vời khi xem những bức tranh và đánh giá cao những nét vẽ và màu sắc. Tôi cảm thấy được truyền cảm hứng và tràn đầy năng lượng sau chuyến thăm.  
B: Điều đó nghe thật tuyệt. Lần cuối cùng tôi đến một buổi hòa nhạc rock là vào tháng trước. Đó là tại Nhà thi đấu O2 ở London, và tôi đã xem ban nhạc yêu thích của mình biểu diễn trực tiếp. Bầu không khí thật tuyệt vời, và tôi thích hát theo đám đông. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc và tràn đầy sức sống trong buổi hòa nhạc, và đó chắc chắn là một trong những trải nghiệm tuyệt vời nhất trong cuộc đời tôi.  
**Unit 7B. Grammar (trang 86)**  
**1 (trang 86 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Discuss this question. (Thảo luận về câu hỏi này)  
Why is a perfect forgery worth less than an original work of art?  
**Gợi ý:**  
A: Have you ever wondered why a perfect forgery is worth less than an original work of art?  
B: Well, I think it's because an original work of art has historical and cultural significance that a forgery can never match.  
A: That's true, but isn't it also because an original work of art has a unique quality and a personal touch that a perfect forgery can't replicate?  
B: Yes, definitely. Plus, owning an original work of art is like owning a piece of the artist's legacy, which is priceless.  
A: I see your point. It makes sense that a perfect forgery may have the same aesthetic value, but it lacks the emotional and intellectual connection that an original work of art provides.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn đã bao giờ tự hỏi tại sao một tác phẩm giả mạo hoàn hảo lại có giá trị thấp hơn một tác phẩm nghệ thuật gốc chưa?  
B: Chà, tôi nghĩ đó là bởi vì một tác phẩm nghệ thuật gốc có ý nghĩa lịch sử và văn hóa mà một tác phẩm giả mạo không bao giờ có thể sánh được.  
A: Điều đó đúng, nhưng không phải vì một tác phẩm nghệ thuật gốc có chất lượng độc đáo và dấu ấn cá nhân mà một tác phẩm giả mạo hoàn hảo không thể sao chép được sao?  
B: Vâng, chắc chắn rồi. Thêm vào đó, việc sở hữu một tác phẩm nghệ thuật gốc cũng giống như sở hữu một phần di sản của nghệ sĩ, điều này là vô giá.  
A: Tôi hiểu quan điểm của bạn. Điều hợp lý là một tác phẩm giả mạo hoàn hảo có thể có cùng giá trị thẩm mỹ, nhưng nó thiếu sự kết nối về mặt cảm xúc và trí tuệ mà một tác phẩm nghệ thuật gốc mang lại.  
  
**2 (trang 86 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article above. Was it right to send Beltracchi to prison? Why? / Why not? (Đọc bài báo trên. Đưa Beltracchi vào tù có đúng không? Tại sao? / Tại sao không?)  
**Real or take?**  
News reader Artist Wolfgang Beltracchi has made millions of pounds from his paintings. However, many of the paintings are not signed with his own name, but with the names of other famous painters. He is the world’s most successful forger, and has fooled the art world for over thirty years. Our reporter Jade Quinn has been investigating. How was he finally caught, Jade?  
JQ. He used the wrong kind of paint in a forgery of a Campendonk painting. The painting had been bought by a company who sent it to a forensic art scientist in London. He identified a type of paint which wasn't being used when Campendonk was alive.  
NR. That was careless! What happened to Beltracchi?  
JQ. He was prosecuted and sent to prison for six years.  
NR. Fifty-eight of his paintings have been identified by police as forgeries and several more are being examined by experts. Are there any more?  
JQ. Beltracchi himself claims that he has forged hundreds of paintings, but he won't say which ones, so they might never be discovered.  
NR. What has he done with the money he earned from the forgeries?  
JQ. He's spent a lot of it, but some of it will be returned to the people who bought his forgeries.  
NR. Does he still paint in the style of famous artists?  
JQ. Yes, but now he signs the paintings with his own name.  
**Hướng dẫn dịch:**  
**Thật hay mất?**  
Độc giả tin tức Họa sĩ Wolfgang Beltracchi đã kiếm được hàng triệu bảng Anh từ những bức tranh của mình. Tuy nhiên, nhiều bức tranh không được ký tên riêng của ông mà có tên của các họa sĩ nổi tiếng khác. Anh ta là kẻ giả mạo thành công nhất thế giới và đã đánh lừa thế giới nghệ thuật trong hơn ba mươi năm. Phóng viên Jade Quinn của chúng tôi đang điều tra. Làm sao cuối cùng hắn bị bắt vậy, Jade?  
JQ. Anh ta đã sử dụng sai loại sơn để làm giả bức tranh Campendonk. Bức tranh đã được một công ty mua lại và gửi nó cho một nhà khoa học pháp y nghệ thuật ở London. Ông xác định được một loại sơn không được sử dụng khi Campendonk còn sống.  
NR. Thật là bất cẩn! Chuyện gì đã xảy ra với Beltracchi?  
JQ. Anh ta bị truy tố và bị tống vào tù sáu năm.  
NR. Cảnh sát xác định 58 bức tranh của ông là giả mạo và một số bức khác đang được các chuyên gia kiểm tra. Có còn nữa không?  
JQ. Bản thân Beltracchi tuyên bố rằng ông đã giả mạo hàng trăm bức tranh, nhưng ông không nói đó là bức nào, vì vậy chúng có thể không bao giờ bị phát hiện.  
NR. Anh ta đã làm gì với số tiền kiếm được từ việc làm giả?  
JQ. Anh ấy đã tiêu rất nhiều tiền, nhưng một phần sẽ được trả lại cho những người đã mua đồ giả của anh ấy.  
NR. Anh ấy vẫn vẽ theo phong cách của các họa sĩ nổi tiếng chứ?  
JQ. Đúng, nhưng bây giờ anh ấy ký tên lên các bức tranh bằng chính tên mình.  
**Gợi ý:**  
In my opinion, it’s right to send Beltracchi to prison because he is a forger, and he has fooled the art world for over thirty years.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Theo tôi, tống Beltracchi vào tù là đúng đắn vì ông ta là một kẻ giả danh, và ông ta đã lừa dối thế giới nghệ thuật trong hơn ba mươi năm.  
  
**3 (trang 86 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Match the highlighted passive forms in the article with 1-9 below. Then find two examples of 9. (Nối các dạng bị động được đánh dấu trong bài viết với 1-9 bên dưới. Sau đó tìm hai ví dụ về 9)  
  
  
  
  
1. present simple passive  
  
  
2. present continuous passive  
  
  
3. past simple passive  
  
  
  
  
4. past continuous passive  
  
  
5. present perfect passive  
  
  
6. past perfect passive  
  
  
  
  
7. will + passive  
  
  
8. modal verb + passive  
  
  
9. by + agent  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
1. present simple passive: "are not signed"  
2. present continuous passive: "are being examined by"  
3. past simple passive: "was he finally caught"  
4. past continuous passive: "wasn't being used"  
5. present perfect passive: "have been identified"  
6. past perfect passive: "had been bought by a company"  
7. will + passive: "will be returned"  
8. modal verb + passive: "might never be discovered"  
9. by + agent: "had been bought by a company" and "will be returned"  
  
**4 (trang 86 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Make the active sentences passive. Use “by” where necessary. (Đọc Learn this. Biến câu chủ động thành câu bị động. Sử dụng “by” khi cần thiết)  
1. William Shakespeare wrote Macbeth.  
2. They are performing a ballet at the concert hall this evening.  
3. Does Lady Gaga design the costumes?  
4. How many Hobbit films have they made?  
5. The artist ought to sign the painting.  
6. Thousands of people will visit the gallery this year.  
**Đáp án:**  
1. Macbeth was written by William Shakespeare.  
2. A ballet is being performed at the concert hall this evening.  
3. Are the costumes designed by Lady Gaga?  
4. How many Hobbit films have been made?  
5. The painting ought to be signed by the artist.  
6. The gallery will be visited by thousands of people this year.  
**Giải thích:**  
Cấu trúc chung thể bị động: tobe + V3/ed  
Không dùng “by” khi đối tượng thực hiện không được xác định cụ thể.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Câu chủ động  
1. William Shakespeare đã viết Macbeth.  
2. Tối nay họ biểu diễn múa ba-lê ở phòng hòa nhạc.  
3. Lady Gaga có thiết kế trang phục không?  
4. Họ đã làm bao nhiêu bộ phim Hobbit?  
5. Họa sĩ phải ký vào bức tranh.  
6. Hàng nghìn người sẽ ghé thăm phòng trưng bày năm nay.  
B. Câu bị động  
1. Macbeth được viết bởi William Shakespeare.  
2. Tối nay một vở ballet sẽ được biểu diễn tại phòng hòa nhạc.  
3. Trang phục có phải do Lady Gaga thiết kế không?  
4. Có bao nhiêu bộ phim Hobbit đã được thực hiện?  
5. Bức tranh phải có chữ ký của họa sĩ.  
6. Phòng trưng bày sẽ được hàng nghìn người ghé thăm trong năm nay.  
  
**5 (trang 86 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete the text with the verbs in brackets. Use active or passive verbs, as appropriate. (Hoàn thành văn bản với các động từ trong ngoặc. Sử dụng động từ chủ động hoặc bị động, nếu thích hợp)  
John Myatt is a British artist. He makes copies of famous works of art, but they (1) (not sell) as originals. They (2) (paint) with ordinary decorator’s paint, and the word ‘fake’ (3) (write) on the back. But it wasn’t always like that. In the 1990s, Myatt (4) (forge) about 200 paintings. In 1998, he (5) (catch) and (6) (send) to prison for a year. Since his release from jail, Myatt (7) (be) very successful, and his paintings (8) (buy) by wealthy people all over the world. He (9) (be) now a rich man!  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. are not sold  
  
  
2. are painted  
  
  
3. is written  
  
  
  
  
4. forged  
  
  
5. was caught  
  
  
6. was sent  
  
  
  
  
7. has been  
  
  
8. are bought  
  
  
9. is  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
Vị trí 9: thì hiện tại đơn dạng chủ động: S + Vs/es  
Vị trí 1, 2, 3, 8: thì hiện tại đơn dạng bị động: S + am / is / are + V3/ed  
Vị trí 4: thì quá khứ đơn dạng chủ động: S + V2/ed  
Vị trí 5, 6: thì quá khứ đơn dạng bị động: S + was / were V3/ed  
Vị trí 7: thì hiện tại hoàn thành dấu hiệu “since”: S + have / has + V3/ed  
**Hướng dẫn dịch:**  
John Myatt là một nghệ sĩ người Anh. Anh ấy sao chép các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, nhưng chúng không được bán như bản gốc. Chúng được sơn bằng sơn trang trí thông thường và chữ 'giả' được viết ở mặt sau. Nhưng không phải lúc nào cũng như vậy. Vào những năm 1990, Myatt làm giả khoảng 200 bức tranh. Năm 1998, anh ta bị bắt và bị tống vào tù một năm. Kể từ khi ra tù, Myatt đã thành công, và những bức tranh của anh ta được mua bởi những người giàu có trên khắp thế giới. Ông bây giờ là một người đàn ông giàu có!  
  
**6 (trang 86 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Use the passive form of the verbs below to ask and answer five questions about famous works of art. (Làm việc theo cặp. Sử dụng dạng bị động của các động từ dưới đây để hỏi và trả lời 5 câu hỏi về các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng)  
  
**Gợi ý:**  
A: Who was the movie "The Godfather" directed by?  
B: "The Godfather" was directed by Francis Ford Coppola.  
A: Who was the Mona Lisa painted by?  
B: The Mona Lisa was painted by Leonardo da Vinci.  
A: What was the song Yesterday sung by?  
B: Yesterday was sung by The Beatles.  
A: What was the book Animal Farm written by?  
B: Animal Farm was written by George Orwell.  
A: What was the play Romeo and Juliet composed by?  
B: Romeo and Juliet was composed by William Shakespeare.  
A: What was the famous speech "I have a dream" performed by?  
B: The famous speech "I have a dream" was performed by Martin Luther King Jr.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bộ phim "The Godfather" do ai đạo diễn?  
B: "Bố già" được đạo diễn bởi Francis Ford Coppola.  
A: Bức tranh Mona Lisa được vẽ bởi ai?  
B: Mona Lisa được vẽ bởi Leonardo da Vinci.  
A: Bài hát Yesterday được hát bởi ai?  
B: Hôm qua được hát bởi The Beatles.  
A: Cuốn sách Animal Farm được viết bởi ai?  
B: Animal Farm được viết bởi George Orwell.  
A: Vở kịch Romeo và Juliet được sáng tác bởi ai?  
B: Romeo và Juliet được sáng tác bởi William Shakespeare.  
A: Bài phát biểu nổi tiếng " I have a dream " được trình bày bởi ai?  
B: Bài diễn văn nổi tiếng " I have a dream" do Martin Luther King Jr.  
**Unit 7C. Listening (trang 87)**  
**1 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Can you recite any poems, lines of poetry or song lyrics by heart in Vietnamese? Were they written recently or a long time ago? Why do you remember them? (Làm việc theo cặp. Bạn có thể thuộc lòng bất kỳ bài thơ, dòng thơ hay lời bài hát nào bằng tiếng Việt không? Chúng được viết gần đây hay đã lâu rồi? Tại sao bạn lại nhớ đến họ?)  
**Gợi ý:**  
"Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh" (I see yellow flowers on green grass) is a line from a famous poem by poet Nguyen Nhat Anh that was turned into a movie. I might remember it because it is a simple yet beautiful line that evokes nostalgia and the beauty of nature.  
**Hướng dẫn dịch:**  
"Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh" là một câu thơ trong bài thơ nổi tiếng của nhà thơ Nguyễn Nhật Ánh đã được chuyển thể thành phim. Tôi có thể nhớ nó bởi vì nó là một dòng đơn giản nhưng đẹp gợi lên nỗi nhớ và vẻ đẹp của thiên nhiên.  
  
**2 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read and listen to the poem. Do you think its message is optimistic or pessimistic? What do you think the last line is telling us to do? (Đọc và nghe bài thơ. Bạn nghĩ thông điệp của nó là lạc quan hay bi quan? Bạn nghĩ dòng cuối cùng bảo chúng ta làm gì?)  
Track 3-03  
**Gợi ý:**  
The poem's message is pessimistic - it predicts life will get worse unless we make changes. The last line encourages us to think about how to make these changes.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Thông điệp của bài thơ mang tính bi quan - nó dự đoán cuộc sống sẽ trở nên tồi tệ hơn nếu chúng ta không thay đổi. Dòng cuối cùng khuyến khích chúng ta suy nghĩ về cách thực hiện những thay đổi này.  
  
**3 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Match the underlined words in the poem with definitions a-h. (Nối các từ được gạch chân trong bài thơ với các định nghĩa a-h)  
  
  
  
  
a. a period of time in history  
  
  
b. not interested in anything  
  
  
  
  
c. in the right order  
  
  
d. people who are the same age  
  
  
  
  
e. an easy solution, but not a good one  
  
  
f. not clever or intelligent  
  
  
  
  
g. something that is typical or usual  
  
  
h. lazy - not wanting to do anything  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. era  
  
  
2. apathetic  
  
  
3. straight  
  
  
4. peers  
  
  
  
  
5. quick  
  
  
6. foolish  
  
  
7. the norm  
  
  
8. lethargic  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
- straight (adj): đúng / chính xác  
- era (n): thời đại  
- quick fix (n): cách sửa tạm thời  
- the norm (n): thông thường  
- peers (n): người ngang hàng  
- apathetic (adj): thờ ơ  
- lethargic (adj): hôn mê  
- foolish (adj): khờ dại  
  
**4 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen to the poem again. How does starting with the last line change the meaning? Which version of the poem do you agree with more? (Nghe lại bài thơ. Làm thế nào để bắt đầu với dòng cuối cùng thay đổi ý nghĩa? Bạn đồng ý với phiên bản nào của bài thơ hơn?)  
Track 3-04  
  
**5 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Listening Strategy. Then listen to four short extracts and circle the correct implication: a or b. (Đọc Chiến lược nghe. Sau đó lắng nghe bốn đoạn trích ngắn và khoanh tròn hàm ý đúng: a hoặc b)  
Track 3-05  
1.  
a. He wishes he hadn't gone to the gym.  
b. He was much stronger in the past.  
2.  
a. She is a big fan of Robbie Williams.  
b. She is not a big fan of Robbie Williams.  
3.  
a. He often tries food from other countries.  
b. He rarely tries food from other countries.  
4.  
a. He does not like the jumper very much.  
b. His sister does not usually buy him a birthday present.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. b  
  
  
2. a  
  
  
3. b  
  
  
4. a  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
Speaker 1. I went to the gym last week. It was the first timein years! I tried lifting some weights and could only manage about 120 kilos. I know that would be a lot for most people, but for me ... well, I was really surprised how little I can lift now.  
Speaker 2. I went to see Robbie Williams in concert last weekend ... again! It was in Manchester. He played some of his old songs and some of the songs from his new album. It was OK ... but even I had to admit that he wasn’t brilliant. Maybe he wasn’t feeling good.  
Speaker 3. I went out for a meal with some friends last weekend. We had Thai food because they wanted to try something different – and for once, I agreed! And you know, it wasn’t too bad. A bit hot and spicy for me, but very tasty. I actually enjoyed it. I might try Indian some time ... perhaps.  
Speaker 4. My sister called round and gave me my birthday present. It was a jumper, which was ... a surprise. She doesn’t usually buy me clothes. It’s quite a colourful jumper – red, blue and orange. Unusual. Well, anyway ... it was very kind of her to buy it for me.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người nói 1. Tôi đã đi đến phòng tập thể dục vào tuần trước. Đó là lần đầu tiên trong nhiều năm! Tôi đã thử nâng một vài cái tạ và chỉ cố gắng nâng được khoảng 120 kg. Tôi biết điều đó sẽ là nhiều đối với hầu hết mọi người, nhưng đối với tôi ... tôi thực sự ngạc nhiên về việc bây giờ tôi có thể nâng được ít như thế nào.  
Người nói 2. Tôi đã đến xem buổi hòa nhạc của Robbie Williams vào cuối tuần trước ... một lần nữa! Đó là ở Manchester. Anh ấy đã biểu diễn một số bài hát cũ của mình và một số bài hát trong album mới của anh ấy. Cũng ổn... nhưng ngay cả tôi cũng phải thừa nhận rằng anh ấy không được tốt lắm. Có lẽ anh ấy cảm thấy không ổn..  
Người nói 3. Tôi đã đi ăn với một số người bạn vào cuối tuần trước. Chúng tôi dùng đồ ăn Thái vì họ muốn thử một thứ gì đó khác biệt – và lần đầu tiên, tôi đồng ý! Và bạn biết đấy, nó không quá tệ. Một chút nóng và cay đối với tôi, nhưng rất ngon. Tôi thực sự rất thích nó. Tôi có thể thử tiếng Ấn Độ vào khi nào đó... có lẽ vậy.  
Người nói 4. Em gái tôi gọi điện đến và tặng quà sinh nhật cho tôi. Đó là một cái áo len chui đầu, điều mà... thật bất ngờ. Em ấy không thường xuyên mua quần áo cho tôi đâu. Đó là một chiếc áo len sặc sỡ – màu đỏ, xanh dương và cam. Sao mà thấy sai sai. Chà, dù sao thì... em thật tốt bụng khi mua nó cho tôi.  
  
**6 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen to four speakers. Match sentences A-E below with the speakers (1-4). There is one extra sentence. (Nghe bốn loa. Nối các câu A-E dưới đây với người nói (1-4). Có một câu thừa)  
Track 3-06  
This speaker believes that  
A. poetry was better in previous eras.  
B. men are not as good as women at writing poems.  
C. poetry is still popular with young people.  
D. young people like poetry more than adults do.  
E. good poems tell us about the poet's feelings.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
Speaker 1. C  
  
  
Speaker 2. E  
  
  
Speaker 3. A  
  
  
Speaker 4. B  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
Speaker 1. If you take the time to listen carefully to the words of the best rappers – people like Eminem and Jay Z, and some of the female rappers too, like Lil’ Kim and Missy Elliott – then you’ll realise how good they are. It isn’t just poetry, it’s fantastic poetry. In fact, I’d say that some of them are the best poems being written today. Seriously, that’s my opinion. Now a lot of people say that young people are no longer interested in great poetry. But that’s wrong, isn’t it? A lot of teenagers listen to rap music and rap can be great poetry – even though some people don’t look at it like that. So I’d say that in some ways, poetry is more popular than ever among young people.  
Speaker 2. You know the poems I hate most? They’re the ones you get in greetings cards – birthday cards, Mother’s Day cards, that kind of thing. I mean, a poem has to be original, doesn’t it? To be a good poem, it has to come from the writer’s heart and contain some real emotion. It has to be about why the poet loves a particular man or woman – or why the poet is feeling particularly sad. These poems in greetings cards are all the same. ‘I hope your birthday is full of fun ... er ... You really are a wonderful son.’ That kind of rubbish. I suppose people actually have to spend time writing them. Imagine doing that job! It would be so depressing, wouldn’t it? Writing rubbish every day.  
Speaker 3. We’ve been looking at some modern poetry at school, in our English classes. Some of it is OK but to be honest, I’m not keen on most of it. I just don’t get it. I mean, half of it doesn’t even mean anything! Or at least, I can’t work out what it means. It just seems like random words. Poetry didn’t use to be like that. In the past, it was always clear what the meaning of the lines was. And usually, it rhymed too. For me, that’s what poetry should be like. That’s the skill of the poet, isn’t it? If you don’t worry about meaning or rhyme, then you can just write anything and call it a poem! ‘A leaf on a tree ... the sun shines ... water flows ... life goes on.’ There, that’s a poem. Huh!  
Speaker 4. ‘Hope is the thing with feathers / That perches in the soul, / And sings the tune without the words, / And never stops at all.’ er ... ‘And something something something heard, and something is the storm’. Hang on ... I can’t remember the rest. But it’s one of my favourites. It’s by Emily Dickinson. I love her poems. In fact, most of the poems I like best are by women. I think women make better poets than men – but that’s just my personal opinion, of course! I don’t find it very easy to memorize poems. It takes me ages! But I enjoy doing it and I really like having a few poems that I know from memory.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người nói 1. Nếu bạn dành thời gian lắng nghe kỹ lời nói của những rapper giỏi nhất – những người như Eminem và Jay Z, và một số nữ rapper nữa, như Lil' Kim và Missy Elliott – thì bạn sẽ nhận ra họ giỏi như thế nào . Nó không chỉ là thơ, nó là tuyệt tác. Trên thực tế, tôi muốn nói rằng một số trong số chúng là những bài thơ hay nhất được viết ngày nay. Nghiêm túc đấy, đó là ý kiến của tôi. Bây giờ nhiều người nói giới trẻ không còn mặn mà với thơ ca nữa. Nhưng điều đó là không đúng, phải không? Rất nhiều thanh thiếu niên nghe nhạc rap và rap có thể là một bài thơ hay – mặc dù một số người không cho rằng như vậy. Vì vậy, tôi muốn nói rằng ở một khía cạnh nào đó, thơ đang phổ biến hơn bao giờ hết trong giới trẻ.  
Người nói 2. Bạn biết những bài thơ tôi ghét nhất? Chúng là những thứ bạn nhận được trong thiệp chúc mừng – thiệp sinh nhật, thiệp Ngày của Mẹ, đại loại thế. Ý tôi là, một bài thơ phải là bản gốc, phải không? Để trở thành một bài thơ hay, nó phải xuất phát từ trái tim của người viết và chứa đựng những cảm xúc thực sự. Nó phải là về lý do tại sao nhà thơ yêu một người đàn ông hay phụ nữ cụ thể - hoặc tại sao nhà thơ cảm thấy đặc biệt buồn. Những bài thơ trong thiệp chúc mừng đều giống nhau. ‘Tôi hy vọng sinh nhật của bạn tràn đầy niềm vui… er… Bạn thực sự là một người con trai tuyệt vời.’ Nghe rác thật chứ. Tôi cho rằng mọi người thực sự phải dành thời gian để viết chúng. Tưởng tượng về việc đó đi! Nó sẽ nhàm chán, phải không? Viết ra mấy thứ không đâu mỗi ngày.  
Người nói 3. Chúng tôi đã xem một số bài thơ hiện đại ở trường, trong các lớp học tiếng Anh của chúng tôi. Một vài thì không sao nhưng thành thật mà nói, tôi chả quan tâm lắm. Tôi không thấm nổi. Ý tôi là, phân nửa trong số chúng thậm chí không có nghĩa gì cả! Hoặc ít nhất, tôi không thể tìm ra ý nghĩa của nó. Nó chỉ giống như những từ ngẫu nhiên. Thơ đã từng không như thế. Trước đây, ý nghĩa của các câu thơ luôn rõ ràng. Và thường thì nó cũng có vần điệu chứ. Đối với tôi, thơ lẽ ra nên như thế. Đó là kỹ năng của một nhà thơ nhỉ? Nếu bạn không quan tâm đến ý nghĩa hay vần điệu thì bạn có thể viết bất cứ thứ gì vào và gọi nó là một bài thơ! ‘Chiếc lá trên cây… nắng chiếu… nước chảy… đời vẫn tiếp diễn.’ Đấy, thơ đấy. Huh!  
Người nói 4. 'Hy vọng là loài chim/ Đậu xuống cành hồn, / Và hát giai điệu không lời, / Chẳng bao giờ ngừng nghỉ.' ờ ... 'Và cái gì gì đấy đã nghe, và cái gì đó là cơn bão'. Khoan... Tôi không thể nhớ nổi phần còn lại. Nhưng đó là một trong những sở thích của tôi. Nó của Emily Dickinson. Tôi yêu những bài thơ của cô ấy. Trên thực tế, hầu hết những bài thơ tôi thích nhất là của phụ nữ. Tôi nghĩ phụ nữ làm thơ giỏi hơn đàn ông – nhưng đó chỉ là ý kiến cá nhân của tôi thôi, tất nhiên! Tôi thấy thật khó để thuộc những bài thơ. Tôi mất nhiều thời gian để làm được điều đó! Nhưng tôi thích việc đó và thích việc có một vài bài thơ trong tâm trí tôi.  
  
**7 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Listen again. Circle the words which best sum up the speakers’ opinions. (Lắng nghe một lần nữa. Khoanh tròn những từ tổng hợp đúng nhất ý kiến ​​của người nói)  
Track 3-06  
1. These days, rap artists are / aren’t the best poets.  
2. Writing poems for greetings cards would / wouldn't be a good job.  
3. A good poem has / doesn’t have to rhyme and make sense.  
4. Learning poems by heart is / isn’t a waste of time.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Ngày nay, các nghệ sĩ rap không phải là những nhà thơ giỏi nhất.  
2. Viết thơ cho thiệp chúc mừng sẽ / không phải là một công việc tốt.  
3. Một bài thơ hay không nhất thiết phải có vần và có ý nghĩa.  
4. Học thuộc lòng các bài thơ không hề lãng phí thời gian.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. are  
  
  
2. wouldn’t  
  
  
3. has  
  
  
4. isn’t  
  
  
  
  
  
**8 (trang 87 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Discuss the opinions in exercise 7. Do you agree with the affirmative or negative version? Give reasons. (Làm việc theo cặp. Thảo luận về các ý kiến ​​trong bài tập 7. Bạn đồng ý với phiên bản khẳng định hay phủ định? Đưa ra lý do)  
**Gợi ý:**  
I think writing poems for greeting cards would be a good job because it allows one to express creativity, play with words, and bring joy and comfort to others.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi nghĩ viết thơ cho thiệp chúc mừng sẽ là một công việc tốt vì nó cho phép một người thể hiện sự sáng tạo, chơi chữ và mang lại niềm vui và sự thoải mái cho người khác.  
**Unit 7D. Grammar (trang 88)**  
**1 (trang 88 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Look at the photo. Do you like the tattoo? Is it a form of art? Does it tell you anything about the woman’s personality or not? (Làm việc theo cặp. Nhìn vào bức hình. Bạn có thích hình xăm? Nó có phải là một hình thức nghệ thuật không? Nó có cho bạn biết điều gì về tính cách của người phụ nữ hay không?)  
  
**Gợi ý:**  
Regarding tattoos, they are a form of art for many people, and they can be a way of expressing oneself and conveying a message or identity. However, whether someone likes a tattoo or not is subjective and depends on personal taste.  
In terms of the woman's personality, a tattoo can sometimes provide insight into her interests, values, or beliefs, but it's not always the case. It's important not to make assumptions or stereotypes based solely on someone's appearance.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Về hình xăm, chúng là một loại hình nghệ thuật đối với nhiều người, và chúng có thể là một cách thể hiện bản thân và truyền tải một thông điệp hoặc danh tính. Tuy nhiên, việc ai đó thích một hình xăm hay không là chủ quan và phụ thuộc vào sở thích cá nhân.  
Về tính cách của người phụ nữ, một hình xăm đôi khi có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về sở thích, giá trị hoặc niềm tin của cô ấy, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Điều quan trọng là không đưa ra các giả định hoặc định kiến chỉ dựa trên vẻ ngoài của ai đó.)  
  
**2 (trang 88 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article. Why do some people think it is necessary to hide their tattoos when they have an interview? (Đọc bài báo. Tại sao một số người nghĩ rằng cần phải che hình xăm của họ khi họ phỏng vấn?)  
Amanda recently had a colourful butterfly tattooed on he wrist. Brad had the names of his two daughters tattooed on his neck under his hair. His friend Doug had his back decorated with a large tattoo of a shield. For the people themselves, these examples of body art are meaningful and important. Nevertheless, they deliberately had them done in places that can easily be hidden. Why? Because they want to give themselves the best possible chance of getting a job, and many employers have a negative attitude towards tattoos and other forms of body art (piercings, body painting, etc.). That is because many employers do not think that decorating yourself with tattoos is acceptable. But when these employers were young themselves, back in the 1980s, they probably had their hair dyed a bright colour to shock their parents! Fashions change, but younger generations always have the desire to be different.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Amanda gần đây đã xăm một con bướm đầy màu sắc trên cổ tay. Brad đã xăm tên hai cô con gái lên cổ dưới tóc. Bạn của anh, Doug, được trang trí trên lưng bằng một hình xăm lớn hình chiếc khiên. Đối với bản thân người dân, những ví dụ về nghệ thuật trên cơ thể này rất có ý nghĩa và quan trọng. Tuy nhiên, họ cố tình thực hiện chúng ở những nơi có thể dễ dàng cất giấu. Tại sao? Bởi vì họ muốn tạo cho mình cơ hội kiếm việc làm tốt nhất có thể, và nhiều nhà tuyển dụng có thái độ tiêu cực đối với hình xăm và các hình thức nghệ thuật trên cơ thể khác (xỏ lỗ, vẽ trên cơ thể, v.v.). Đó là bởi vì nhiều nhà tuyển dụng không nghĩ rằng việc trang trí cho mình bằng hình xăm là điều có thể chấp nhận được. Nhưng khi những người chủ này còn trẻ, vào những năm 1980, có lẽ họ đã nhuộm tóc màu sáng để gây sốc cho cha mẹ! Thời trang thay đổi nhưng thế hệ trẻ luôn khao khát sự khác biệt.  
  
**3 (trang 88 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. What examples of have something done can you find in the article in exercise 2? (Đọc Learn this!. Bạn có thể tìm thấy ví dụ nào về have something done trong bài viết ở bài tập 2?)  
  
**Đáp án:**  
- Amanda on her wrist.  
- Brad on his neck under his hair.  
- Doug with a large tattoo of a shield.  
  
**4 (trang 88 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Use the prompts to write sentences with the correct form of have something done. Then match each sentence with rule a or bin the Learn this! box. (Sử dụng các gợi ý để viết câu với dạng đúng của have something done. Sau đó nối mỗi câu với quy tắc a hoặc b trong Learn this)  
1. Olivia / her hair / dye / red / for charity  
2. Josh / his bike / steal / at the weekend  
3. the house / its roof / blow off / in the storm  
4. we / the carpets / clean / after the party last weekend  
5. my sister / always / her nails / do / on Fridays  
6. she / her visa application / refuse / last month  
**Đáp án:**  
1. Olivia had her hair dyed red for charity. (a)  
2. Josh had his bike stolen at the weekend. (b)  
3. The house had its roof blown off in the storm. (b)  
4. We had the carpets cleaned after the party last weekend. (a)  
5. My sister always has her nails done on Fridays. (a)  
6. She had her visa application refused last month. (a)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Olivia nhuộm tóc đỏ để làm từ thiện.  
2. Josh bị mất trộm xe đạp vào cuối tuần.  
3. Ngôi nhà bị tốc mái trong cơn bão.  
4. Chúng tôi đã giặt thảm sau bữa tiệc cuối tuần trước.  
5. Chị tôi luôn làm móng vào thứ Sáu.  
6. Đơn xin thị thực của cô ấy bị từ chối vào tháng trước.  
  
**5 (trang 88 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Correct the mistake in each of the following sentences. (Sửa lỗi sai trong mỗi câu sau)  
1. Tom has had his house breaking into twice.  
2. Where do you usually have your hair to be cut?  
3. The teacher had the exercise rewrite the third time.  
4. The movie star made his nose broken during the fighting scene.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. breaking => broken  
  
  
2. to be cut => cut  
  
  
  
  
3. rewrite => rewritten  
  
  
4. made => had  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
Cấu trúc: have + sth + V3/ed  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Ngôi nhà của Tom đã bị đột nhập hai lần.  
2. Bạn thường cắt tóc ở đâu?  
3. Giáo viên cho viết lại bài tập lần thứ ba.  
4. Ngôi sao điện ảnh bị gãy mũi trong cảnh đánh nhau.  
  
**6 (trang 88 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Which of these things has your partner done or experienced? Use Have you ever had your... ? Ask follow-up questions if appropriate. (Làm việc theo cặp. Bạn của bạn đã làm hoặc trải qua những việc nào trong số những việc này? Sử dụng Have you ever had your... ? Đặt câu hỏi tiếp theo nếu thích hợp)  
  
  
  
  
1. ears / pierce  
  
  
2. hair / dye  
  
  
3. email account / hack  
  
  
  
  
4. phone / steal  
  
  
5. portrait / paint  
  
  
6. fortune / tell  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
- Have you ever dyed your hair?  
- No, I haven't. I've always had my natural hair color.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Bạn đã bao giờ nhuộm tóc chưa?  
- Không, tôi chưa. Tôi luôn có màu tóc tự nhiên của mình.  
**Unit 7E. Word Skills (trang 89)**  
**1 (trang 89 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: VOCABULARY Work in pairs. Listen to the musical excerpts. Match the excerpts (1-9) with the musical genres below. (Làm việc theo cặp. Nghe trích đoạn văn nghệ. Ghép các đoạn trích (1-9) với các thể loại âm nhạc dưới đây)  
Track 3-07  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. heavy metal  
  
  
2. pop/rock  
  
  
3. folk  
  
  
  
  
4. jazz  
  
  
5. blues  
  
  
6. hiphop  
  
  
  
  
7. techno  
  
  
8. country and western  
  
  
9. classcial  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
- blues: nhạc blues  
- classical: cổ điển  
- country and western: đất nước và phương Tây  
- folk: dân gian  
- heavy metal: rock mạnh  
- hip hop / rap: hip hop / rap  
- jazz pop/rock: nhạc jazz/rock  
- techno: nhạc điện tử  
  
**2 (trang 89 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article. What is unusual about John Cage’s most famous composition? (Đọc bài viết. Điều gì là bất thường về sáng tác nổi tiếng nhất của John Cage?)  
Most composers want their music to contain something different - a distinctive melody or rhythm, or an unusual harmony which no one has thought of before. But has anyone gone further than composer John Cage in the search for originality?  
In 1951, John Cage wanted to find somewhere he could experience complete silence. He went inside a special soundproof room and expected to hear nothing, but instead heard two sounds, one high-pitched and one low-pitched. Later, ihe sound engineer explained that the first was the sound of his nervous system and the second was the sound of his blood circulating. Cage realised that nowhere is completely silent - you can always hear something. A year later, he composed his most famous piece: 4’33” (four minutes and thirty-three seconds’). In this piece, the performer walks on stage and then ... nothing happens. He or she does not play anything at all. Everybody in the audience listens to nothing for exactly four minutes and 33 seconds. Then the performer bows and everyone applauds!  
**Hướng dẫn dịch:**  
Hầu hết các nhà soạn nhạc đều muốn âm nhạc của họ chứa đựng điều gì đó khác biệt - một giai điệu hoặc nhịp điệu đặc biệt hoặc một sự hòa âm khác thường mà trước đây chưa ai nghĩ tới. Nhưng có ai đi xa hơn nhà soạn nhạc John Cage trong việc tìm kiếm sự độc đáo không?  
Năm 1951, John Cage muốn tìm một nơi nào đó mà ông có thể trải nghiệm sự im lặng hoàn toàn. Anh ta vào trong một căn phòng cách âm đặc biệt và tưởng không nghe thấy gì mà thay vào đó lại nghe thấy hai âm thanh, một âm cao và một âm trầm. Sau đó, kỹ sư âm thanh giải thích rằng đầu tiên là âm thanh của hệ thần kinh và thứ hai là âm thanh của máu lưu thông. Cage nhận ra rằng không nơi nào hoàn toàn im lặng - bạn luôn có thể nghe thấy điều gì đó. Một năm sau, ông sáng tác tác phẩm nổi tiếng nhất của mình: 4’33” (bốn phút ba mươi ba giây). Trong tác phẩm này, người biểu diễn bước lên sân khấu và sau đó ... không có gì xảy ra. Anh ấy hoặc cô ấy không chơi bất cứ thứ gì cả. Mọi người trong khán giả không nghe gì trong đúng 4 phút 33 giây. Sau đó người biểu diễn cúi đầu và mọi người vỗ tay!  
  
**3 (trang 89 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Complete the table with indefinite pronouns from the article. (Hoàn thành bảng với các đại từ không xác định từ bài báo)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. no one  
  
  
2. anyone  
  
  
3. everyone  
  
  
  
  
4. everybody  
  
  
5. nowhere  
  
  
6. somewhere  
  
  
  
  
7. nothing  
  
  
8. anything  
  
  
9. something  
  
  
  
  
  
**4 (trang 89 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Learn this! box. Complete it with the words below. Use the article to help you. (Đọc Learn this. Hoàn thành nó với những từ dưới đây. Sử dụng bài viết để giúp bạn)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. affirmative  
  
  
2. negative  
  
  
3. questions  
  
  
4. singular  
  
  
5. plural  
  
  
  
  
  
**5 (trang 89 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Look out! box. Complete the dialogue with the correct indefinite pronouns. (Đọc Look out. Hoàn thành cuộc đối thoại với các đại từ bất định chính xác)  
Amelia. Are you doing (1) this weekend?  
Jake. No, I’m not.  
Amelia. Would you like to do (2) together, then? How about the cinema?  
Jake. Not the cinema. There's (3) I want to see. Let’s go (4) different for a change. We could see some live music.  
Amelia. Is there (5) in town that has live music?  
Jake. Yes - the Oxygen Arena. I can find the programme online. Wait a moment ...  
Amelia. Is (6) good playing?  
Jake. There's (7) well-known, I’m afraid. But this band might be OK — Purple Dawn. They play hip hop.  
Amelia. I'll ask James. He knows (8) about hip hop.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. anything  
  
  
2. something  
  
  
3. nothing  
  
  
4. somewhere  
  
  
  
  
5. anywhere  
  
  
6. anyone  
  
  
7. no one  
  
  
8. everything  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
Amelia: Cuối tuần này bạn có làm gì không?  
Jake: Không, tôi không.  
Amelia: Vậy bạn có muốn làm việc gì đó cùng nhau không? Đi đến rạp chiếu phim thì sao?  
Jake: Không phải rạp chiếu phim. Tôi không muốn xem gì cả. Hãy đi đến mộ nơi nào khác để thay đổi. Chúng ta có thể xem một số nhạc sống.  
Amelia: Có nơi nào trong thị trấn có nhạc sống không?  
Jake: Có - Đấu trường Oxy. Tôi có thể tìm thấy chương trình trực tuyến. Đợi một chút...  
Amelia: Có ai chơi giỏi không?  
Jake: Tôi e rằng không có người nổi tiếng. Nhưng ban nhạc này có thể là OK-Purple Dawn. Họ chơi hip hop.  
Amelia: Tôi sẽ hỏi James. Anh ấy biết điều gì đó về hip hop.  
  
**6 (trang 89 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Discuss what kinds of musical genres you enjoy listening to. (Làm việc theo cặp. Thảo luận về những thể loại âm nhạc mà bạn thích nghe)  
**Gợi ý:**  
A: Hi, what kind of music do you like to listen to?  
B: I'm a big fan of pop music. How about you?  
A: I enjoy pop music too, but I tend to lean more towards rock and hip hop.  
B: That's cool. Do you have any favorite pop artists or bands?  
A: I really like Taylor Swift and Ariana Grande. Their songs are always so catchy and fun to sing along to.  
B: Oh yeah, I love them too! I'm more into upbeat dance-pop, like Dua Lipa and Lady Gaga.  
A: Yeah, they're both great. I've been listening to a lot of Billie Eilish lately as well. Her music is so unique and different from anything else out there.  
B: Definitely, she's one of my favorites too. I also like Shawn Mendes and Ed Sheeran for their more acoustic pop sound.  
A: Oh yeah, they're both great musicians. I especially like Ed Sheeran's songwriting style.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Xin chào, bạn thích nghe thể loại nhạc nào?  
B: Tôi là một fan hâm mộ lớn của nhạc pop. Còn bạn thì sao?  
A: Tôi cũng thích nhạc pop, nhưng tôi có xu hướng nghiêng về rock và hip hop hơn.  
B: Thật tuyệt. Bạn có bất kỳ nghệ sĩ hoặc ban nhạc pop yêu thích nào không?  
A: Tôi rất thích Taylor Swift và Ariana Grande. Các bài hát của họ luôn rất hấp dẫn và thú vị để hát theo.  
B: Ồ vâng, tôi cũng yêu họ! Tôi thích dance-pop lạc quan hơn, như Dua Lipa và Lady Gaga.  
A: Yeah, cả hai đều rất tuyệt. Gần đây tôi cũng đã nghe rất nhiều bài hát của Billie Eilish. Âm nhạc của cô ấy rất độc đáo và khác biệt so với bất kỳ thứ gì khác ngoài kia.  
B: Chắc chắn rồi, cô ấy cũng là một trong những người tôi yêu thích. Tôi cũng thích Shawn Mendes và Ed Sheeran vì âm hưởng pop acoustic hơn của họ.  
A: Ồ vâng, họ đều là những nhạc sĩ tuyệt vời. Tôi đặc biệt thích phong cách sáng tác của Ed Sheeran.  
**Unit 7F. Reading (trang 90, 91)**  
**1 (trang 90-91 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Choose one of the photos and describe it to your partner. Use the words below to help you. (Làm việc theo cặp. Chọn một trong những bức ảnh và mô tả nó cho bạn của bạn. Sử dụng các từ dưới đây để giúp bạn)  
  
  
**Gợi ý:**  
- There is a coloured bus on the street in the first picture.  
- There is a statue of a boxer in the second picture.  
- In the third picture, a girl is covering something with striped wool.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Trong hình đầu tiên có một chiếc xe buýt màu trên đường phố.  
- Bức tranh thứ hai có bức tượng của một võ sĩ quyền anh.  
- Ở bức tranh thứ ba, một cô gái đang che vật gì đó bằng len sọc.  
  
**2 (trang 90-91 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article and match the photos (A-C) with two of the artists. (Đọc bài báo và nối các bức ảnh (A-C) với hai trong số các nghệ sĩ)  
The statue of Rocky outside the Philadelphia Museum of Art is very popular with tourists, who often stop to take their photo in front of it without bothering to visit the museum itself. This irritated the artist Jessie Hemmons, who knitted a bright pink jacket and put it on the statue of the boxer. On the front of the jacket, Jessie knitted the words ‘Go see the art’. Jessie hopes that more people will visit the gallery. This form of street art has become known as ‘yarn bombing’.  
The craze is believed to have started in 2005 by Magda Sayeg in Houston, Texas. One day Magda decided, just for fun, to knit a blue-and-pink cover for her shop's door handle. She loved it, and unexpectedly, so did her customers. Pedestrians stopped outside the shop to photograph it. Motorists slowed down to take a closer look. Their reaction inspired Magda to make covers for other objects in the street, such as a stop sign, a lamp post, a parking meter — and even an entire bus, which took awhole week to complete!  
There are now yarn bombing groups in dozens of countries. They photograph and film their works and upload them to the internet.  
Jessie believes that most street art is done by men and that yarn bombing is a more feminine activity. But not everyone approves of the new form of street art. Some people argue that covering public objects in wool is vandalism and littering, but the police appear to have a relatively relaxed attitude towards yarn bombers. They might interrupt them if they see them at work in the street, but they do not often view them as criminals.  
Whether you see yarn bombing as a bit of fun that brightens up drab cities, or as a form of high culture with a serious message, it is a craze that is likely to continue.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Bức tượng Rocky bên ngoài Bảo tàng Nghệ thuật Philadelphia rất được du khách yêu thích, họ thường dừng lại để chụp ảnh trước tượng mà không thèm đến thăm chính bảo tàng. Điều này khiến nghệ sĩ Jessie Hemmons khó chịu, người đã đan một chiếc áo khoác màu hồng sáng và khoác lên bức tượng võ sĩ quyền anh. Phía trước áo khoác có thêu dòng chữ “Go see the art”. Jessie hy vọng sẽ có nhiều người đến thăm phòng trưng bày hơn. Hình thức nghệ thuật đường phố này còn được gọi là 'ném bom sợi'.  
Cơn sốt được cho là bắt đầu vào năm 2005 bởi Magda Sayeg ở Houston, Texas. Một ngày nọ, Magda quyết định, chỉ để cho vui thôi, đan một tấm bìa màu xanh và hồng cho tay nắm cửa cửa hàng của mình. Cô yêu thích nó và thật bất ngờ, khách hàng của cô cũng vậy. Người đi bộ dừng lại bên ngoài cửa hàng để chụp ảnh. Người lái xe chạy chậm lại để quan sát kỹ hơn. Phản ứng của họ đã truyền cảm hứng cho Magda làm vỏ che cho các đồ vật khác trên đường phố, chẳng hạn như biển báo dừng, cột đèn, đồng hồ đỗ xe — và thậm chí cả một chiếc xe buýt, mất cả tuần để hoàn thành!  
Hiện nay có các nhóm ném bom sợi ở hàng chục quốc gia. Họ chụp ảnh, quay phim các tác phẩm của mình và tải chúng lên internet.  
Jessie tin rằng hầu hết nghệ thuật đường phố đều do nam giới thực hiện và ném bom sợi là một hoạt động nữ tính hơn. Nhưng không phải ai cũng tán thành hình thức nghệ thuật đường phố mới. Một số người cho rằng việc che đồ vật công cộng bằng len là hành vi phá hoại và xả rác, nhưng cảnh sát dường như có thái độ tương đối thoải mái với những kẻ đánh bom sợi. Họ có thể ngắt lời họ nếu nhìn thấy họ đang làm việc trên đường, nhưng họ không thường coi họ là tội phạm.  
Cho dù bạn coi việc ném bom sợi là một trò vui làm bừng sáng những thành phố buồn tẻ hay như một hình thức văn hóa cao cấp với thông điệp nghiêm túc, thì đó là một cơn sốt có thể sẽ tiếp tục.  
**Đáp án:**  
- Picture B. Jessie Hemmons  
- Picture C. Magda Sayeg  
**Giải thích:**  
- Picture B. Thông tin: “This irritated the artist Jessie Hemmons, who knitted a bright pink jacket and put it on the statue of the boxer.” (Điều này khiến nghệ sĩ Jessie Hemmons khó chịu, người đã đan một chiếc áo khoác màu hồng tươi và khoác lên bức tượng võ sĩ quyền anh.)  
- Picture C. Thông tin: “One day Magda decided, just for fun, to knit a blue-and-pink cover for her shop's door handle.” (Một ngày nọ, Magda quyết định, chỉ để cho vui, đan một tấm bìa màu xanh và hồng cho tay nắm cửa của cửa hàng cô ấy.)  
  
**3 (trang 90 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the Reading Strategy. Is there a question about the main idea or the writer's overall opinion in the questions in exercise 4? (Đọc Chiến lược đọc. Có câu hỏi nào về ý chính hoặc ý kiến ​​chung của người viết trong các câu hỏi ở bài tập 4 không?)  
**Đáp án:**  
Yes, question 5 is about the writer's overall opinion of ‘yarn bombing’.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Vâng, câu hỏi 5 là về ý kiến chung của người viết về 'ném bom sợi'.  
  
**4 (trang 90 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: For questions 1-5, circle the correct answers (a-c). (Đối với các câu hỏi 1-5, hãy khoanh tròn các câu trả lời đúng (a-c)  
1. Jessie Hemmons ‘yarn bombed’ the statue of Rocky because  
a. she wants people to take photos of it.  
b. she thinks too many tourists come and see it.  
c. she wants more people to go and see the paintings in the museum.  
2. Why did Magda Sayeg knit a cover for the door handle of her shop?  
a. For her own amusement  
b. To attract customers  
c. Because someone passing the shop suggested it  
3. Jessie thinks that yarn bombing is different from other forms of street art because  
a. its popularity has spread via the internet.  
b. it’s temporary and soon disappears.  
c. it’s less masculine.  
4. What is the police’s usual attitude to yarn bombing?  
a. They make it clear that it is against the law.  
b. They think that yarn bombers are strange people.  
c. They hardly ever try to arrest yarn bombers.  
5. What is the writer's overall opinion of yarn bombing?  
a. It is wrong because it’s against the law.  
b. The writer doesn’t express a personal view.  
c. It deserves to be called ‘art’.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. c  
  
  
2. a  
  
  
3. c  
  
  
4. c  
  
  
5. a  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Jessie Hemmons 'ném bom' bức tượng Rocky vì cô ấy muốn nhiều người đến xem tranh trong bảo tàng hơn.  
2. Tại sao Magda Sayeg lại đan một tấm che cho tay nắm cửa của cửa hàng cô ấy?  
- Để thu hút khách hàng.  
3. Jessie cho rằng việc ném bom sợi khác với các loại hình nghệ thuật đường phố khác vì nó kém nam tính hơn.  
4. Thái độ thông thường của cảnh sát đối với việc ném bom sợi là gì?  
- Họ hiếm khi cố gắng bắt giữ những kẻ đánh bom sợi.  
5. Quan điểm chung của người viết về việc ném bom sợi là gì?  
- Nó xứng đáng được gọi là ‘nghệ thuật’.  
  
**5 (trang 90 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: VOCABULARY In paragraphs 1 and 2, underline four things (excluding vehicles) that you might find in the street. How many more items can you add to the list? (Trong đoạn 1 và 2, hãy gạch chân bốn thứ (không bao gồm xe cộ) mà bạn có thể tìm thấy trên đường phố. Bạn có thể thêm bao nhiêu mục nữa vào danh sách?)  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
1. Lamp post   
  
  
2. Stop sign   
  
  
  
  
3. Parking meter   
  
  
4. Bus (covered in yarn)  
  
  
  
  
  
**6 (trang 90 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING KEY PHRASES Work in pairs. Discuss the questions. Use the phrases below to help you. (Làm việc theo cặp. Thảo luận các câu hỏi. Sử dụng các cụm từ dưới đây để giúp bạn)  
  
1. Do you think that yarn bombing is art, or vandalism and littering? Why?  
2. What about other forms of street art, such as graffiti and chalk drawings on the pavement? Are they art or vandalism? Give reasons for your opinion.  
**Gợi ý:**  
1. In my opinion, yarn bombing can be considered a form of art because it is a creative and temporary way to decorate public spaces. As I see it, yarn bombing can also be seen as vandalism and littering because it involves covering public objects in a way that may not be permitted.  
2. I agree that graffiti and chalk drawings on the pavement can be seen as forms of art, especially if they are done with skill and creativity.  
However, I see your point that graffiti and chalk drawings can also be seen as vandalism and defacing public property, especially if they are done without permission or in an inappropriate location.  
That may be true, but it's also important to consider the message behind the street art. Some graffiti and chalk drawings can be positively political or social commentary, which adds to their artistic value.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Theo tôi, ném bom sợi có thể được coi là một loại hình nghệ thuật vì đây là một cách trang trí không gian công cộng mang tính sáng tạo và mang tính tạm thời. Theo tôi thấy, ném bom sợi cũng có thể bị coi là hành vi phá hoại và xả rác vì nó liên quan đến việc che đậy các vật thể công cộng theo cách có thể không được phép.  
2. Tôi đồng ý rằng những bức vẽ graffiti và phấn trên vỉa hè có thể được coi là những hình thức nghệ thuật, đặc biệt nếu chúng được thực hiện bằng kỹ năng và sự sáng tạo.  
Tuy nhiên, tôi thấy quan điểm của bạn rằng các bức vẽ graffiti và phấn cũng có thể bị coi là phá hoại và làm xấu đi tài sản công, đặc biệt nếu chúng được thực hiện mà không được phép hoặc ở một địa điểm không phù hợp.  
Điều đó có thể đúng, nhưng điều quan trọng là phải xem xét thông điệp đằng sau nghệ thuật đường phố. Một số bức vẽ graffiti và phấn có thể mang tính bình luận tích cực về chính trị hoặc xã hội, điều này làm tăng thêm giá trị nghệ thuật của chúng.  
**Unit 7G. Speaking (trang 92)**  
**1 (trang 92 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Match photos A-C with three of the types of show below. Then choose one photo each and describe it to your partner. (Làm việc theo cặp. Ghép các bức ảnh A-C với ba trong số các loại chương trình dưới đây. Sau đó chọn một bức ảnh và mô tả nó cho bạn của bạn)  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
A. musical  
  
  
B. a magic show  
  
  
C. a comdey club  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
- an art exhibition: triển lãm nghệ thuật  
- a circus: gánh xiếc  
- a classical concert: một buổi hòa nhạc cổ điển  
- a comedy club: một câu lạc bộ hài kịch  
- a magic show: một màn ảo thuật  
- a musical: một vở nhạc kịch  
- an open-air theatre: một nhà hát ngoài trời  
- a piano recital: một buổi biểu diễn piano  
  
**2 (trang 92 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Compare and contrast photos A - C from exercise 1. (Làm việc theo cặp. So sánh và đối chiếu ảnh A - C từ bài tập 1)  
**Gợi ý:**  
A: All three photos show live performances in front of an audience.  
B: Unlike the other two photos, in photo C you can see comedians performing and trying to make the audience laugh, while in photos A and B, there are musical and magic performances respectively.  
A: Whereas photo B shows a magician performing a trick on stage, the other two photos feature musical and comedy performances.  
B: In terms of similarities, all three photos show live performances with a group of performers on stage trying to entertain the audience. Additionally, all three photos show an audience present who are engaged in the performances and appear to be having a good time. Furthermore, the performers in all three photos are dressed up in costumes or formal clothing, which suggests that they are putting on a professional show.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Cả ba bức ảnh đều cho thấy các buổi biểu diễn trực tiếp trước khán giả.  
B: Không giống như hai bức ảnh còn lại, trong bức ảnh C, bạn có thể thấy các diễn viên hài đang biểu diễn và cố gắng chọc cười khán giả, trong khi ở bức ảnh A và B lần lượt là các màn trình diễn âm nhạc và ảo thuật.  
A: Trong khi ảnh B cho thấy một ảo thuật gia đang biểu diễn một trò ảo thuật trên sân khấu, thì hai ảnh còn lại là các màn trình diễn ca nhạc và hài kịch.  
B: Về điểm giống nhau, cả ba bức ảnh đều cho thấy các buổi biểu diễn trực tiếp với một nhóm nghệ sĩ biểu diễn trên sân khấu đang cố gắng mua vui cho khán giả. Ngoài ra, cả ba bức ảnh đều cho thấy một khán giả có mặt đang tham gia vào các buổi biểu diễn và dường như đang có một khoảng thời gian vui vẻ. Hơn nữa, những người biểu diễn trong cả ba bức ảnh đều mặc trang phục hoặc quần áo trang trọng, điều này cho thấy rằng họ đang tham gia một buổi biểu diễn chuyên nghiệp.  
  
**3 (trang 92 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the task above. Then listen to a student doing the task. Which show does the student choose? Which of the details below does she also mention? (Đọc nhiệm vụ trên. Sau đó nghe một học sinh làm bài. Học sinh chọn chương trình nào? Cô ấy cũng đề cập đến chi tiết nào dưới đây?)  
Track 3-09  
- When to go on the outing  
- How to book tickets  
- Who will pay for the tickets  
- How to travel to the show  
- What to eat and drink  
**Đáp án:**  
She chooses the musical. She mentions when to go, who will pay for the tickets and the show, how to travel to the show.  
**Nội dung bài nghe:**  
T So which of these shows do you think is most suitable? What about the magic show? My sister loves magic.  
S To be honest, I really can’t stand magic shows.  
T So, what do you like? There’s a play at the open-air theatre and there’s also a musical.  
S Well, I enjoy musicals very much. And I think they’re popular with people of all ages. So for that reason, it’s a good choice for a family outing.  
T Yes, I agree. I’m really keen on musicals. In fact, everyone in my family likes them. We all like plays too.  
S Personally, plays aren’t really my thing. I definitely prefer musicals.  
T OK. That’s fine. So when shall we go?  
S Well, how about next Saturday? Can we check that everyone is free that evening?  
T OK, we can ask them.  
S I want everyone to go, because it’s my treat. I’m definitely buying all the tickets.  
T Really? That could be expensive.  
S That’s OK. I haven’t spent much of the money I brought with me.  
T OK. That’s very kind of you! Now, where’s the musical on?  
S At the theatre in town. So we can go by bus.  
T Good idea. That won’t be expensive!  
**Hướng dẫn dịch:**  
T Vậy em nghĩ chương trình nào phù hợp nhất trong số những chương trình này? Ảo thuật thì sao? Em gái cô thích ảo thuật lắm.  
S Thành thật mà thì em không thích ảo thuật lắm ạ.  
T Vậy em thích gì? Có một vở kịch ở nhà hát ngoài trời và cả một vở nhạc kịch nữa.  
S Vâng, em thích nhạc kịch lắm ạ. Và em nghĩ chúng quen thuộc với mọi người ở mọi lứa tuổi. Vậy nên đó là một lựa chọn tốt cho một chuyến đi chơigia đình.  
T Ừ cô đồng ý. Tôi cũng rất thích nhạc kịch. Trên thực tế thì mọi người trong gia đình cô đều thích chúng. Mọi người cũng thích kịch nữa.  
S Cá nhân em thì ckhông thích những vở kịch cho lắm. Chắc là em thích nhạc kịch hơn ạ.  
T OK. Tốt rồi. Vậy khi nào chúng ta sẽ đi?  
S Ừm, thứ Bảy tới thì sao ạ? Chúng ta có thể xem mọi người có rảnh vào tối hôm đó hay không.  
T OK, chúng ta có thể hỏi họ.  
S Em muốn mọi người đi, em sẽ đãi họ. Chắc chắn em sẽ mua vé.  
T Thật sao? Tốn kém phết đấy.  
S Không sao đâu ạ. Tiền em mang theo em vẫn chưa tiêu bao nhiêu.  
T OK. Em thật tốt bụng! Hiện tại vở nhạc kịch đang chiếu ở đâu vậy?  
S Ở nhà hát trong thị trấn. Vậy nên chúng ta có thể đi bằng xe buýt.  
T Ý hay đấy. Cái đấy thì không tốn kém lắm!  
  
**4 (trang 92 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: KEY PHRASES Read Speaking Strategy 1. Then look at the phrases for expressing preferences. Tick the expression you think is the strongest in each group. (Đọc Chiến lược nói 1. Sau đó nhìn vào các cụm từ để diễn đạt sở thích. Đánh dấu vào cách diễn đạt bạn cho là mạnh nhất trong mỗi nhóm)  
  
  
**Đáp án:**  
The strongest expressions for expressing preferences are:  
- Like: "I absolutely love..."  
- Dislike: "I really can't stand..."  
**Hướng dẫn dịch:**  
Các cách diễn đạt mạnh nhất để thể hiện sở thích là:  
- Giống như: "Tôi vô cùng yêu thích..."  
- Không thích: "Thật sự không chịu nổi..."  
  
**5 (trang 92 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: PRONUNCIATION Read Speaking Strategy 2. Then listen again. Which phrases from exercise 4 do you hear? Which ones are introduced by a phrase from the strategy? Practice saying them. Pay attention to the stressed words. (Đọc Chiến lược nói 2. Sau đó nghe lại. Bạn nghe thấy những cụm từ nào trong bài tập 4? Những cái nào được giới thiệu bởi một cụm từ từ chiến lược? Thực hành nói chúng. Hãy chú ý đến những từ được nhấn mạnh)  
Track 3-09  
**Đáp án:**  
- Phrases from exercise 4: (Những cụm từ trong bài 4)  
I’m really keen on ...  
I enjoy ... very much.  
... is not really my thing.  
I really can’t stand ...  
- Introduced by phrases from the strategy: (Những cụm từ được giới thiệu trong phần Chiến lược)  
To be honest, ... (Thành thật mà nói thì...)  
Personally, .... (Cá nhân tôi thì...)  
  
**6 (trang 92 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. Find out your partner’s preferences for the shows in exercise 1 and other types of shows you can think of. Use phrases from exercise 4 and Speaking Strategy 2 in your answers. (Làm việc theo cặp. Tìm hiểu sở thích của bạn về các buổi biểu diễn trong bài tập 1 và các loại buổi biểu diễn khác mà bạn có thể nghĩ đến. Sử dụng các cụm từ trong bài tập 4 và Chiến lược nói 2 trong câu trả lời của bạn)  
**Gợi ý:**  
A: What do you think of the musical in Picture A?  
B: To be honest, I'm not a big fan of musicals.  
A: How about the magic show in Picture B?  
B: Personally, I really enjoy magic shows.  
A: What do you think of stand-up comedy performances like the one in Picture C?  
B: I must say, I'm really keen on stand-up comedy. I find it really entertaining.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn nghĩ gì về vở nhạc kịch trong Hình A?  
B: Thành thật mà nói, tôi không phải là một fan hâm mộ lớn của nhạc kịch.  
A: Thế còn màn ảo thuật trong Hình B thì sao?  
B: Cá nhân tôi thực sự thích các buổi biểu diễn ảo thuật.  
A: Bạn nghĩ gì về những màn biểu diễn hài độc thoại như trong Hình C?  
B: Tôi phải nói rằng, tôi thực sự thích diễn hài độc thoại. Tôi thấy nó thực sự thú vị.  
**Unit 7H. Writing (trang 93)**  
**1 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in pairs. What was the last book you read? What was it about? Did you enjoy it? Why? / Why not? (Làm việc theo cặp. cuốn sách cuối cùng bạn đọc là gì? Cái đó nói về gì thế? Bạn có thích nó không? Tại sao? / Tại sao không?)  
**Gợi ý:**  
I just finished reading "The Silent Patient" by Alex Michaelides. It's a psychological thriller about a woman who shot her husband and hasn't spoken a word since. The story is told from the perspective of a therapist who is trying to uncover the truth behind the woman's silence. I really enjoyed it. The plot was full of twists and turns, and it kept me guessing until the very end.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Tôi vừa đọc xong cuốn "Bệnh nhân thầm lặng" của Alex Michaelides. Đó là một bộ phim tâm lý kinh dị kể về một người phụ nữ đã bắn chồng mình và không nói một lời nào kể từ đó. Câu chuyện được kể dưới góc nhìn của một nhà trị liệu đang cố gắng khám phá sự thật đằng sau sự im lặng của người phụ nữ. Tôi thực sự rất thích nó. Cốt truyện đầy những tình tiết bất ngờ và nó khiến tôi phải đoán cho đến phút cuối cùng.  
  
**2 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the task above and the entry. Did the writer enjoy the book? Did he / she have any reservations? (Đọc nhiệm vụ trên và mục nhập. Nhà văn có thích cuốn sách không? Anh ấy / cô ấy có bất kỳ đặt phòng nào không?)  
[A] Have you ever read a book that you just couldn't put down? The Hunger Games was like that for me. It’s that good! Written by Suzanne Collins in 2006, it’s sold millions of copies around the world and has been made into a film.  
[B] It’s set in the future in a place called Panem and it tells the story of Katniss, a sixteen-year-old girl who competes in the Hunger Games with eleven other children. Only one child can survive the games, and Katniss is not optimistic about her chances. There are lots of twists and turns along the way.  
[C] What I love about the book is the character of Katniss. She's really strong and sensitive. She is practical-minded and loves freedom. She is also quick at getting the information and memorising things. I really identify with her. The story is very gripping. It is hard to put the book down once you start reading it.  
[D] All in all, this book is a real page-turner. I absolutely love it and I'd definitely recommend it. So if you haven't read it yet, buy it or borrow it. You won't be disappointed.  
**Hướng dẫn dịch:**  
[A] Bạn đã bao giờ đọc một cuốn sách mà không thể đặt xuống chưa? Hunger Games đối với tôi là như vậy. Thật là tốt! Được viết bởi Suzanne Collins vào năm 2006, nó đã bán được hàng triệu bản trên khắp thế giới và đã được dựng thành phim.  
[B] Phim lấy bối cảnh ở tương lai ở một nơi tên là Panem và kể câu chuyện về Katniss, một cô gái mười sáu tuổi thi đấu trong Hunger Games cùng với mười một đứa trẻ khác. Chỉ có một đứa trẻ có thể sống sót trong trò chơi và Katniss không lạc quan về cơ hội của mình. Có rất nhiều khúc quanh và ngã rẽ trên đường đi.  
[C] Điều tôi thích ở cuốn sách là nhân vật Katniss. Cô ấy thực sự mạnh mẽ và nhạy cảm. Cô ấy có đầu óc thực tế và yêu thích sự tự do. Cô ấy cũng nhanh chóng trong việc tiếp thu thông tin và ghi nhớ mọi thứ. Tôi thực sự đồng cảm với cô ấy. Câu chuyện rất hấp dẫn. Thật khó để đặt cuốn sách xuống khi bạn bắt đầu đọc nó.  
[D] Nói chung, cuốn sách này thực sự là một cuốn sách có thể lật trang. Tôi hoàn toàn thích nó và tôi chắc chắn muốn giới thiệu nó. Vì vậy, nếu bạn chưa đọc nó, hãy mua hoặc mượn nó. Bạn sẽ không thất vọng.  
**Đáp án:**  
Yes, the writer of the entry enjoyed the book. There are no reservations mentioned, only positive comments about the book's plot, characters, and writing style. The writer highly recommends the book to others.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Vâng, người viết mục rất thích cuốn sách. Không có sự dè dặt nào được đề cập, chỉ có những nhận xét tích cực về cốt truyện, nhân vật và phong cách viết của cuốn sách. Người viết rất khuyến khích cuốn sách cho những người khác.  
  
**3 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read Writing Strategy 1 and the sample and check. (Đọc Chiến lược viết 1 và mẫu và kiểm tra)  
- Does the writer address the readers directly?  
- Is the style formal or informal?  
- Which title is better?  
1. My favourite book: The Hunger Games  
2. This is probably one of the best books that I have ever read  
**Đáp án:**  
- Yes, the writer addresses the readers directly with the question, "Have you ever read a book that you just couldn't put down?"  
- The style is informal.  
- "My favourite book: The Hunger Games" is a better title as it is more specific and informative.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Người viết có nói trực tiếp với người đọc không?  
- Đúng vậy, người viết gửi thẳng đến người đọc câu hỏi: “Bạn đã bao giờ đọc một cuốn sách mà không thể đặt xuống chưa?”  
- Phong cách trang trọng hay trang trọng?  
- Phong cách không trang trọng.  
- Tiêu đề nào hay hơn?  
- "Cuốn sách yêu thích của tôi: The Hunger Games" là tựa sách hay hơn vì nó cụ thể và nhiều thông tin hơn.  
  
**4 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read Writing Strategy 2. In which paragraph (A-D) does the writer (Đọc Chiến lược Viết 2. Trong đoạn nào (A-D) người viết)  
1. describe the plot and characters?  
2. mention something he / she liked?  
3. give some background information about the book?  
4. reccomend the book?  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. C  
  
  
3. A  
  
  
4. D  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: “It's set in the future in a place called Panem and it tells the story of Katniss, a sixteen-year-old girl who competes in the Hunger Games with eleven other children.” (Nó lấy bối cảnh trong tương lai ở một nơi gọi là Panem và kể về câu chuyện của Katniss, một cô gái mười sáu tuổi tham gia Đấu trường sinh tử với mười một đứa trẻ khác.)  
2. Thông tin: “What I love about the book is the character of Katniss.” (Điều tôi thích ở cuốn sách là nhân vật Katniss.)  
3. Thông tin: “Written by Suzanne Collins in 2006, it's sold millions of copies around the world and has been made into a film.” (Được viết bởi Suzanne Collins vào năm 2006, nó đã bán được hàng triệu bản trên khắp thế giới và đã được dựng thành phim.)  
4. Thông tin: “I absolutely love it and I'd definitely recommend it.” (Tôi hoàn toàn thích nó và tôi chắc chắn sẽ giới thiệu nó)  
  
**5 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Which tense does the writer use to describe the plot and characters? (Nhà văn sử dụng thì nào để miêu tả cốt truyện và các nhân vật?)  
**Đáp án:**  
The writer uses the present simple tense to describe the plot and characters.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người viết sử dụng thì hiện tại đơn để mô tả cốt truyện và các nhân vật.  
  
**6 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: KEY PHRASES Complete the useful phrases with the words below. Underline them in the sample. (Hoàn thành các cụm từ hữu ích với các từ dưới đây. Gạch dưới chúng trong mẫu)  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. set  
  
  
2. tell  
  
  
3. twists  
  
  
4. page  
  
  
5. recommend  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
- page (n): trang  
- recommend (v): giới thiệu  
- set (v): lấy bối cảnh  
- tells (v): kể  
- twists (n): bước ngoặt  
  
**7 (trang 93 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Do the task in exercise 1. Follow the advice in the strategies, use the structure of the sample (see exercise 4) and use phrases from exercise 6. (Thực hiện nhiệm vụ trong bài tập 1. Làm theo lời khuyên trong các chiến lược, sử dụng cấu trúc mẫu (xem bài tập 4) và sử dụng các cụm từ trong bài tập 6)  
**Gợi ý:**  
What was the last book you read? What was it about? Did you enjoy it? Why? / Why not?  
Set in modern-day London, the book I read was a thriller titled "The Guest List". It tells the story of a glamorous wedding party taking place on a remote island, where the guests soon realize that someone is intent on murder. As the plot unfolds, we learn about the different characters and their relationships with one another, all while the tension and suspense continue to rise with each chapter. There are many unexpected twists and turns that keep the reader on edge, eager to find out what happens next. I particularly enjoyed the writing style and how each chapter was narrated from the perspective of a different character, giving us unique insights into their thoughts and motivations. Overall, "The Guest List" is a gripping page-turner that I would definitely recommend to fans of the thriller genre.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Cuốn sách cuối cùng bạn đọc là gì? Cái đó nói về gì thế? Bạn có thích nó không? Tại sao? / Tại sao không?  
Lấy bối cảnh ở London thời hiện đại, cuốn sách tôi đọc là một cuốn sách kinh dị có tựa đề "Danh sách khách mời". Nó kể câu chuyện về một bữa tiệc cưới hoành tráng diễn ra trên một hòn đảo xa xôi, nơi những vị khách sớm nhận ra rằng ai đó đang có ý định giết người. Khi cốt truyện mở ra, chúng ta tìm hiểu về các nhân vật khác nhau và mối quan hệ của họ với nhau, trong khi sự căng thẳng và hồi hộp tiếp tục tăng lên theo từng chương. Có nhiều tình tiết bất ngờ khiến người đọc hồi hộp, tò mò muốn biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Tôi đặc biệt thích phong cách viết và cách mỗi chương được thuật lại từ góc nhìn của một nhân vật khác nhau, mang đến cho chúng ta những hiểu biết độc đáo về suy nghĩ và động cơ của họ. Nhìn chung, "The Guest List" là một cuốn sách hấp dẫn mà tôi chắc chắn sẽ giới thiệu cho những người hâm mộ thể loại phim kinh dị.  
**Unit 7I. Culture (trang 94)**  
**1 (trang 94 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Look at the photos. Do you know what this art form is? Did you use to have any toy of this kind? (Nhìn vào những bức ảnh. Bạn có biết loại hình nghệ thuật này là gì không? Bạn đã từng sở hữu món đồ chơi nào như thế này chưa?)  
  
**Gợi ý:**  
Yes, I recognize this art form as "to he," which is a traditional Vietnamese craftwork made from glutinous rice powder. It's typically used to create small figurines of animals, flowers, and characters from traditional Vietnamese folklore. I haven't had any toys of this kind.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Có, tôi nhận ra loại hình nghệ thuật này là “tặng anh”, một nghề thủ công truyền thống của Việt Nam được làm từ bột gạo nếp. Nó thường được sử dụng để tạo ra những bức tượng nhỏ về động vật, hoa và các nhân vật trong văn hóa dân gian truyền thống Việt Nam. Tôi chưa có đồ chơi loại này.  
  
**2 (trang 94 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the text. Match the headings with the paragraphs A-C. (Đọc văn bản. Nối các tiêu đề với các đoạn A-C)  
- The artist Paragraph \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
- The process Paragraph \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
- The tradition Paragraph \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
Many of children’s toys are perfect craftwork. To he, Vietnamese folk art, is a typical example.  
[A] To he is made from dough into different little things or animals which Vietnamese children love to keep as toys. Interesting shapes can be created to the wish of the children. It could be an animal like a chicken, a monkey or some fruits like a hand of bananas. The dough can be made from flour taken from ground rice or sticky rice, but the amount of sticky rice should be restricted to just 10 percent of the dough. Besides making nice dough, the artist prepares natural colours, which are usually made from leaves, vegetables or fruits. Sometimes paint is used, but traditionally natural items are preferred because they will make safe edible toys. The artist may creatively use leaves or small twigs to make further decorations. [1]  
[B] To he can be made by anyone who is creative and skillful enough, so parents can become favourite fo he artists of their children. However, great artists of fo he can be found in many Vietnamese villages. They can make extraordinary artworks with beautiful shapes, harmonious combination of colours, and I features. The artists usually travel through villages or come to local fairs and festivals selling toys to children and their artworks play an important role in folk decorations. [2]  
[C] Nobody knows exactly when fo he came into being, but it is believed to come from the north of Viet Nam. Xuan La village in Ha Noi is famous for this traditional art. Devoted artists have brought this beautiful art to everywhere in Viet Nam. Outside a school gate or on the pavement of a crowded street, a fo he artist can be found creating little colourful toys for some young children. [3] To he remains an interesting feature of Vietnamese culture.  
**Đáp án:**  
- The artist Paragraph B  
- The process Paragraph A  
- The tradition Paragraph C  
**Hướng dẫn dịch:**  
Nhiều đồ chơi trẻ em là tác phẩm thủ công hoàn hảo. Với ông, nghệ thuật dân gian Việt Nam là một ví dụ điển hình.  
[A] To được làm từ bột thành những đồ vật nhỏ hoặc những con vật khác nhau mà trẻ em Việt Nam thích nuôi làm đồ chơi. Có thể tạo ra những hình thù ngộ nghĩnh theo ý muốn của trẻ. Đó có thể là một con vật như con gà, con khỉ hay một số loại trái cây như bàn tay trái chuối. Bột có thể được làm từ bột lấy từ gạo xay hoặc gạo nếp, nhưng lượng gạo nếp chỉ nên giới hạn ở mức 10% bột. Bên cạnh việc tạo ra những khối bột đẹp mắt, người nghệ nhân còn chuẩn bị những màu sắc tự nhiên, thường được làm từ lá, rau hoặc trái cây. Đôi khi sơn cũng được sử dụng, nhưng các đồ vật tự nhiên theo truyền thống được ưu tiên hơn vì chúng sẽ tạo thành đồ chơi ăn được an toàn. Người nghệ sĩ có thể sáng tạo sử dụng lá hoặc cành cây nhỏ để trang trí thêm. [1]  
[B] Anh ấy có thể được tạo ra bởi bất kỳ ai đủ sáng tạo và khéo léo, vì vậy cha mẹ có thể trở thành nghệ sĩ yêu thích của con cái họ. Tuy nhiên, những nghệ sĩ vĩ đại của ông có thể được tìm thấy ở nhiều làng quê Việt Nam. Họ có thể tạo ra những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc với hình dáng đẹp mắt, sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc và nét cá tính. Các nghệ sĩ thường đi qua các làng mạc hoặc đến các hội chợ, lễ hội địa phương để bán đồ chơi cho trẻ em và tác phẩm nghệ thuật của họ đóng một vai trò quan trọng trong trang trí dân gian. [2]  
[C] Không ai biết chính xác nó ra đời khi nào, nhưng người ta tin rằng nó đến từ miền Bắc Việt Nam. Làng Xuân La ở Hà Nội nổi tiếng với nghệ thuật truyền thống này. Những nghệ sĩ tâm huyết đã mang tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp này đến mọi nơi trên đất nước Việt Nam. Bên ngoài cổng trường hay trên vỉa hè của một con phố đông đúc, có thể thấy một nghệ sĩ đang tạo ra những món đồ chơi nhỏ đầy màu sắc cho một số trẻ nhỏ. [3] Đối với ông vẫn là một nét thú vị của văn hóa Việt Nam.  
  
**3 (trang 94 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the text again and write True or False to the statements 1-5. (Đọc văn bản một lần nữa và viết Đúng hoặc Sai cho các câu 1-5)  
1. To he is creatively produced from a combination of flour and colour.  
2. Sticky rice can make better dough for to he than rice.  
3. To he products are mainly sold at village fairs.  
4. Villagers can use to he as decorators.  
5. To he is created as toys but it is edible.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. To he được tạo ra một cách sáng tạo từ sự kết hợp giữa bột mì và màu sắc.  
2. Gạo nếp có thể làm bột ngon hơn gạo.  
3. Sản phẩm của ông chủ yếu được bán ở các phiên chợ làng.  
4. Dân làng có thể sử dụng anh ta làm vật trang trí.  
5. Anh ta được tạo ra như một món đồ chơi nhưng có thể ăn được.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. true  
  
  
2. false  
  
  
3. true  
  
  
4. true  
  
  
5. true  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: “Besides making nice dough, the artist prepares natural colours” (Bên cạnh việc làm cho bột đẹp, nghệ sĩ chuẩn bị màu sắc tự nhiên)  
2. Thông tin: “The dough can be made from flour taken from ground rice or sticky rice, but the amount of sticky rice should be restricted to just 10 percent of the dough.” (Bột có thể được làm từ bột lấy từ gạo xay hoặc gạo nếp, nhưng lượng gạo nếp chỉ nên hạn chế ở mức 10% khối lượng bột.)  
3. Thông tin: “The artists usually travel through villages or come to local fairs and festivals selling toys to children.” (Các nghệ sĩ thường đi khắp các làng hoặc đến các hội chợ và lễ hội địa phương để bán đồ chơi cho trẻ em)  
4. Thông tin: “their artworks play an important role in folk decorations.” (tác phẩm nghệ thuật của họ đóng một vai trò quan trọng trong trang trí dân gian)  
5. Thông tin: “Sometimes paint is used, but traditionally natural items are preferred because they will make safe edible toys.” (Đôi khi sơn được sử dụng, nhưng các vật phẩm tự nhiên theo truyền thống được ưa chuộng hơn vì chúng sẽ tạo ra đồ chơi ăn được an toàn.)  
  
**4 (trang 94 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Put the following sentences A-C into the correct gaps 1-3. Then listen and check. (Đặt các câu A-C sau vào chỗ trống đúng 1-3. Sau đó nghe và kiểm tra)  
A. It is for passion, not for money that the artists work.  
B. The eyes of a monkey, for example, can be made by adding two black peas.  
C. Despite the popularity of some modern forms of entertainment, children are still attracted to to he.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. A  
  
  
3. C  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Người nghệ sĩ làm việc vì đam mê chứ không phải vì tiền.  
B. Ví dụ, mắt của một con khỉ có thể được tạo ra bằng cách thêm hai hạt đậu đen.  
C. Bất chấp sự phổ biến của một số hình thức giải trí hiện đại, trẻ em vẫn bị thu hút bởi anh ấy.  
  
**5 (trang 94 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Match the highlighted words in the text with the following words or phrases. (Nối các từ được đánh dấu trong văn bản với các từ hoặc cụm từ sau)  
- limited to an amount  
- exactly like a real thing  
- a mixture of flour and water  
- showing strong feeling of love  
- unbelievable  
**Đáp án:**  
- limited to an amount = restricted  
- exactly like a real thing = lifelike  
- a mixture of flour and water = dough  
- showing strong feeling of love = passionately  
- unbelievable = extraordinary  
**Hướng dẫn dịch:**  
- giới hạn ở một lượng = bị giới hạn  
- giống hệt như thật = sống động như thật  
- hỗn hợp bột và nước = bột  
- thể hiện tình cảm mãnh liệt của tình yêu = say đắm  
- không thể tin được = phi thường  
  
**6 (trang 94 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: SPEAKING Work in groups. Discuss the question. (Làm việc nhóm. Thảo luận câu hỏi)  
What are the benefits which chidren’s traditional games like to he can bring about?  
**Gợi ý:**  
Traditional games like to he can bring numerous benefits to children. First and foremost, they encourage creativity and imagination as children learn to shape the dough into various figures and animals. This helps develop fine motor skills and hand-eye coordination as well. Additionally, traditional games provide a way for children to connect with their cultural heritage and learn about the history and traditions of their community. Playing these games can also promote socialization as children learn to share and work together to create their to he figurines. Finally, traditional games like to he offer a break from screens and technology, allowing children to engage in physical and tactile activities that promote mindfulness and relaxation.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Những trò chơi truyền thống như tò he có thể mang lại vô số lợi ích cho trẻ em. Đầu tiên và quan trọng nhất, chúng khuyến khích sự sáng tạo và trí tưởng tượng khi trẻ học nặn bột thành nhiều hình và con vật khác nhau. Điều này giúp phát triển các kỹ năng vận động tinh và phối hợp tay-mắt. Ngoài ra, các trò chơi truyền thống cung cấp một cách để trẻ em kết nối với di sản văn hóa của chúng và tìm hiểu về lịch sử và truyền thống của cộng đồng chúng. Chơi những trò chơi này cũng có thể thúc đẩy xã hội hóa khi trẻ học cách chia sẻ và làm việc cùng nhau để tạo ra những bức tượng nhỏ của chúng. Cuối cùng, các trò chơi truyền thống như tò he mang đến sự thoát ly khỏi màn hình và công nghệ, cho phép trẻ em tham gia vào các hoạt động thể chất và xúc giác nhằm thúc đẩy sự lưu tâm và thư giãn.  
**Review Unit 7 (trang 95)**  
**Reading**  
**(trang 95 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Read the article about a type of art. Are the sentences true or false? Write T or F. (Đọc bài viết về một loại hình nghệ thuật. Những câu sau đúng hay sai? Viết T hoặc F)  
When we think of art, we normally picture something which can exist for centuries. But there has always been a type of art which doesn’t last. This is often referred to as ‘temporary’ art. Sculptures which are made of snow or ice, paintings in coloured sand, chalk drawings done on public pavements: it’s not that these don’t have artistic value, but they are designed to disappear.  
Jorge Rodriguez-Gerada is a modern ‘temporary’ artist, and one who gets a lot of attention for his work. He uses groups of volunteers to help him, and his pieces take a long time to plan and create. But they are mostly talked about because the final results are so impressive. For the past few years, Rodriguez-Gerada has been creating gigantic faces in empty spaces in cities. To people on the ground, it looks like a garden, and it is hard to see any kind of design in it. In fact, GPS mapping is used to set out the design. Then an army of workers use this master plan to create the image which the artist has planned.  
In 2014, the artist created an astonishing face on the National Mall in Washington, D.C. It covered an area of 25,000 square metres, and it was created because the mall was getting new gardens, and the land wasn’t going to be used for a while. The portrait was of a young man of mixed race, and was called Of the Many, One. The artist says that it showed one of the millions of faces that represent the American people. After a while, the sand and soil of the portrait were mixed together, and new lawns were planted in its place. The portrait has disappeared, but it will not easily be forgotten.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Khi nghĩ về nghệ thuật, chúng ta thường hình dung ra một thứ gì đó có thể tồn tại hàng thế kỷ. Nhưng luôn có một loại hình nghệ thuật không tồn tại lâu dài. Điều này thường được gọi là nghệ thuật 'tạm thời'. Những tác phẩm điêu khắc bằng tuyết hoặc băng, những bức tranh bằng cát màu, những bức vẽ bằng phấn được thực hiện trên vỉa hè công cộng: không phải những thứ này không có giá trị nghệ thuật mà chúng được thiết kế để biến mất.  
Jorge Rodriguez-Gerada là một nghệ sĩ ‘tạm thời’ hiện đại và là người nhận được nhiều sự chú ý nhờ tác phẩm của mình. Anh ấy sử dụng các nhóm tình nguyện viên để giúp đỡ mình và các tác phẩm của anh ấy mất nhiều thời gian để lên kế hoạch và sáng tạo. Nhưng chúng được nhắc đến nhiều nhất vì kết quả cuối cùng quá ấn tượng. Trong vài năm qua, Rodriguez-Gerada đã tạo ra những khuôn mặt khổng lồ ở những khoảng trống ở các thành phố. Đối với những người ở trên mặt đất, nó trông giống như một khu vườn và khó có thể nhìn thấy bất kỳ kiểu thiết kế nào trong đó. Trên thực tế, bản đồ GPS được sử dụng để thiết kế. Sau đó, một đội quân công nhân sử dụng bản quy hoạch tổng thể này để tạo ra hình ảnh mà người nghệ sĩ đã lên kế hoạch.  
Vào năm 2014, nghệ sĩ đã tạo ra một khuôn mặt đáng kinh ngạc trên National Mall ở Washington, D.C. Nó có diện tích 25.000 mét vuông và nó được tạo ra vì trung tâm mua sắm đang có những khu vườn mới và đất sẽ không được sử dụng cho một khu vườn mới. trong khi. Bức chân dung của một chàng trai trẻ thuộc chủng tộc hỗn hợp và được gọi là Của nhiều, một. Nghệ sĩ nói rằng nó thể hiện một trong hàng triệu khuôn mặt đại diện cho người dân Mỹ. Sau một thời gian, cát và đất của bức chân dung được trộn lẫn với nhau và những bãi cỏ mới được trồng vào vị trí của nó. Bức chân dung đã biến mất, nhưng nó sẽ không dễ dàng bị lãng quên.  
1. Temporary art is a new kind of art.  
2. Artists use sand or chalk in their artwork so that it will exist for a long time.  
3. Jorge Rodriguez-Gerada is an important artist in the field of temporary art.  
4. His work is very quick to create.  
5. He uses maps to plan his artwork.  
6. A lot of people help him to create his art.  
7. Jorge’s artwork called Of the Many, One was part of a new garden design for the National Mall.  
8. The artwork does not exist anymore.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nghệ thuật tạm thời là một loại hình nghệ thuật mới.  
2. Các nghệ sĩ sử dụng cát hoặc phấn trong tác phẩm nghệ thuật của mình để nó tồn tại lâu dài.  
3. Jorge Rodriguez-Gerada là một nghệ sĩ quan trọng trong lĩnh vực nghệ thuật tạm thời.  
4. Tác phẩm của anh ấy được sáng tạo rất nhanh.  
5. Anh ấy sử dụng bản đồ để lên kế hoạch cho tác phẩm nghệ thuật của mình.  
6. Rất nhiều người giúp anh ấy sáng tạo nghệ thuật.  
7. Tác phẩm nghệ thuật của Jorge có tên Of the Many, One là một phần của thiết kế sân vườn mới cho National Mall.  
8. Tác phẩm nghệ thuật không còn tồn tại nữa.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. false  
  
  
2. false  
  
  
3. true  
  
  
4. false  
  
  
  
  
5. true  
  
  
6. true  
  
  
7. true  
  
  
8. true  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: “There has always been a type of art which doesn't last.” (Luôn có một loại hình nghệ thuật không trường tồn.)  
2. Thông tin: “it's not that these don't have artistic value, but they are designed to disappear.” (Không phải những thứ này không có giá trị nghệ thuật, nhưng chúng được thiết kế để biến mất.)  
3. Thông tin: “Jorge Rodríguez-Gerada is a modern 'temporary' artist, and one who gets a lot of attention for his work.” (Jorge Rodríguez-Gerada là một nghệ sĩ 'tạm thời' hiện đại, và là người được chú ý nhiều nhờ tác phẩm của mình.")  
4. Thông tin: “his pieces take a long time to plan and create.” (các tác phẩm của anh ấy mất nhiều thời gian để lên kế hoạch và sáng tạo.)  
5. Thông tin: “In fact, GPS mapping is used to set out the design.” (Trên thực tế, bản đồ GPS được sử dụng để thiết kế.)  
6. Thông tin: “He uses groups of volunteers to help him, and his pieces take a long time to plan and create.” (Anh ấy sử dụng các nhóm tình nguyện viên để giúp đỡ anh ấy, và các tác phẩm của anh ấy mất nhiều thời gian để lên kế hoạch và sáng tạo.)  
7. Thông tin: “It covered an area of 25,000 square metres, and it was created because the mall was getting new gardens, and the land wasn't going to be used for a while.” (Nó có diện tích 25.000 mét vuông, và nó được tạo ra bởi vì trung tâm thương mại đang có những khu vườn mới và khu đất sẽ không được sử dụng trong một thời gian.)  
8. Thông tin: “The portrait has disappeared, but it will not easily be forgotten.” (Bức chân dung đã biến mất, nhưng nó sẽ không dễ bị lãng quên.)  
  
**Listening**  
**(trang 95 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: You will hear a talk. Look at the questions below and choose the best answers (A-C). (Bạn sẽ nghe một cuộc nói chuyện. Nhìn vào các câu hỏi dưới đây và chọn câu trả lời đúng nhất (A-C)  
Track 3-11  
1. The Gold Performance Academy  
A. is a school of contemporary dance.  
B. teaches people dance, drama and music.  
C. specialises in classical ballet and musical theatre.  
2. The Academy helps students to  
A. build confidence as a performer.  
B. choose the right performing art for them.  
C. decide on a future career.  
3. Many of the teachers at the Academy  
A. have experience in the industry.  
B. perform in the lessons.  
C. like pop music.  
4. Every year, students  
A. work in a theatre during the summer.  
B. design a certificate for a ceremony.  
C. take part in stage performances.  
5. The speaker  
A. wants everyone in the audience to attend the Academy.  
B. invites her audience to come to see a lesson at the Academy.  
C. asks the audience to write an email to apply to the Academy.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. A  
  
  
3. A  
  
  
4. C  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Nội dung bài nghe:**  
Good morning. First of all, let me introduce myself. My name’s Gillian Richardson, and I’m a dance instructor from Gold Performance, which is a Performing Arts Academy based in central London. Today, I’ve come to talk to you about our academy, and hopefully some of you might find what we do interesting and join our academy from next September!  
Well, although I myself am a dance instructor, dance is not the only performing art we teach at our academy. We try to help students to develop their talents and go after their dreams in all of the performing arts, including drama and music. We can offer you specialist classes in dance, singing, drama and fitness. We encourage our students to build on their strengths and we also give our students the opportunity to take part in activities which help them get the confidence to work as part of a group or as solo artists. The lessons are held by qualified teachers and professionals from the performing arts industry, and many of our teachers have worked as choreographers with famous stars, such as Robbie Williams, Justin Bieber or Beyoncé, as well as appearing on TV shows and in theatre performances in the West End. All of our students work on performance techniques in the autumn term, such as dance styles in dance lessons, or mime or voice in the drama lessons. We also teach students how to communicate through their body, focusing on body language and expressing their emotions.  
During the summer term our students work on their performance, as all of them perform in the end-of-year show. The show takes place at the Auburn Theatre, where all students are awarded a certificate for completing their course in our Annual Awards Ceremony. In addition to the theatre performance, we also put on another two performances each term, which take place in the hall at our academy.  
Anyway, I know this a lot of information for you now, so if you’d like to find out more, please visit our website. If you would like to arrange to come and see one of the classes before you apply, please do send us an email.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chào buổi sáng. Trước hết hãy để tôi tự giới thiệu. Tên tôi là Gillian Richardson, và tôi là giảng viên khiêu vũ của Gold Performance, một Học viện Nghệ thuật Biểu diễn có trụ sở tại trung tâm Luân Đôn. Hôm nay, tôi đến để nói chuyện với các bạn về học viện của chúng tôi và hy vọng một số bạn có thể thấy những gì chúng tôi làm thú vị và tham gia học viện của chúng tôi từ tháng 9 tới!  
Chà, mặc dù bản thân tôi là một giáo viên dạy khiêu vũ, nhưng khiêu vũ không phải là môn nghệ thuật biểu diễn duy nhất mà chúng tôi dạy ở học viện của mình. Chúng tôi cố gắng giúp học sinh phát triển tài năng và theo đuổi ước mơ của mình trong tất cả các môn nghệ thuật biểu diễn, bao gồm cả kịch nghệ và âm nhạc. Chúng tôi có thể cung cấp cho bạn các lớp chuyên về khiêu vũ, ca hát, kịch và thể dục. Chúng tôi khuyến khích học sinh phát huy thế mạnh của mình và chúng tôi cũng tạo cơ hội cho học sinh tham gia vào các hoạt động giúp các em tự tin làm việc theo nhóm hoặc nghệ sĩ solo. Các bài học được giảng dạy bởi các giáo viên có trình độ và các chuyên gia trong ngành nghệ thuật biểu diễn, và nhiều giáo viên của chúng tôi đã từng biên đạo múa cho các ngôi sao nổi tiếng, chẳng hạn như Robbie Williams, Justin Bieber hoặc Beyoncé, cũng như xuất hiện trên các chương trình truyền hình và trong các buổi biểu diễn sân khấu ở đầu phía Tây. Tất cả học sinh của chúng tôi luyện tập các kỹ thuật biểu diễn trong học kỳ mùa thu, chẳng hạn như phong cách khiêu vũ trong các bài học khiêu vũ, hoặc kịch câm hoặc giọng nói trong các bài học kịch. Chúng tôi cũng dạy học sinh cách giao tiếp thông qua cơ thể của họ, tập trung vào ngôn ngữ cơ thể và thể hiện cảm xúc của họ.  
Trong khoá học mùa hè, học sinh của chúng tôi luyện tập để biểu diễn, vì tất cả các em đều biểu diễn trong buổi biểu diễn cuối năm. Chương trình diễn ra tại Nhà hát Auburn, nơi tất cả học sinh được trao chứng chỉ hoàn thành khóa học trong Lễ trao giải thường niên của chúng tôi. Ngoài buổi biểu diễn sân khấu, chúng tôi cũng tổ chức hai buổi biểu diễn khác mỗi học kỳ, diễn ra trong hội trường tại học viện của chúng tôi.  
Dù sao thì hiện tại đang có quá nhiều thông tin cho bạn, vì vậy nếu bạn muốn tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi. Nếu bạn muốn sắp xếp để đến xem một trong các lớp học trước khi đăng kí, xin hãy gửi cho chúng tôi một email.  
  
**Speaking**  
**(trang 95 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Work in pairs. You and a classmate are planning a surprise for a friend to celebrate his / her birthday. You would like to take him / her to a concert. Decide which show is most suitable and discuss the arrangements for the outing. Use the ideas below to help you. (Làm việc theo cặp. Bạn và một người bạn cùng lớp đang lên kế hoạch tạo bất ngờ cho một người bạn nhân dịp sinh nhật của anh ấy/ cô ấy. Bạn muốn đưa anh ấy / cô ấy đến một buổi hòa nhạc. Quyết định chương trình nào phù hợp nhất và thảo luận về việc sắp xếp cho chuyến đi chơi. Sử dụng những ý tưởng dưới đây để giúp bạn)  
\* When to go to the concert  
\* The type of concert  
\* Getting tickets  
\* Transport to and from  
\* Food and drink  
\* Keeping the surprise a secret  
**Gợi ý:**  
A: Hey, have you thought of what we should do for Huyen’s birthday?  
B: No, not really. What are you thinking?  
A: I was thinking we could take her to a concert. Do you think that's a good idea?  
B: Yeah, I think that's a great idea. What type of concert were you thinking of?  
A: Well, she is really into rock music, so I thought we could go to the concert of the band that is playing next week.  
B: That sounds good. When should we go?  
A: I was thinking we should go on her birthday, which is next Wednesday.  
B: Okay. How are we going to get tickets?  
A: We should probably buy them online. I can do that tonight.  
B: And what about transportation?  
A: I think we should rent a car to take us to the concert and back. That way, we can have a few drinks and not have to worry about getting home.  
B: That's a good idea. What about food and drink at the concert?  
A: We can grab some food and drinks before the show, and then maybe some more during intermission.  
B: Sounds good. How are we going to keep the surprise a secret?  
A: We should tell her that we're going out for a birthday dinner, and then surprise her with the concert tickets.  
B: Great plan. I think this will be an awesome birthday surprise!  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, bạn đã nghĩ ra chúng ta nên làm gì cho sinh nhật của Huyền chưa?  
B: Không, không hẳn. Bạn đang nghĩ gì vậy?  
A: Tôi đang nghĩ chúng ta có thể đưa cô ấy đến một buổi hòa nhạc. Bạn có nghĩ rằng đó là một ý tưởng tốt?  
B: Vâng, tôi nghĩ đó là một ý tưởng tuyệt vời. Bạn đã nghĩ đến loại buổi hòa nhạc nào?  
A: Chà, cô ấy thực sự thích nhạc rock, vì vậy tôi nghĩ chúng ta có thể đi xem buổi hòa nhạc của ban nhạc sẽ biểu diễn vào tuần tới.  
B: Điều đó nghe có vẻ tốt. Khi nào chúng ta nên đi?  
A: Tôi đang nghĩ chúng ta nên đi vào ngày sinh nhật của cô ấy, đó là thứ Tư tới.  
B: Được rồi. Làm thế nào chúng ta sẽ nhận được vé?  
A: Có lẽ chúng ta nên mua chúng trực tuyến. Tôi có thể làm điều đó tối nay.  
B: Còn phương tiện đi lại thì sao?  
A: Tôi nghĩ chúng ta nên thuê một chiếc ô tô để đưa chúng ta đến buổi hòa nhạc và quay lại. Bằng cách đó, chúng ta có thể uống vài ly và không phải lo lắng về việc về nhà.  
B: Đó là một ý tưởng tốt. Còn thức ăn và đồ uống tại buổi hòa nhạc thì sao?  
A: Chúng ta có thể lấy một ít thức ăn và đồ uống trước buổi biểu diễn, và sau đó có thể thêm một ít nữa trong thời gian tạm nghỉ.  
B: Nghe hay đấy. Làm thế nào chúng ta sẽ giữ bí mật bất ngờ?  
A: Chúng ta nên nói với cô ấy rằng chúng ta sẽ ra ngoài ăn tối sinh nhật, và sau đó làm cô ấy ngạc nhiên với vé xem hòa nhạc.  
B: Kế hoạch tuyệt vời. Tôi nghĩ rằng đây sẽ là một bất ngờ sinh nhật tuyệt vời!  
  
**Writing**  
**(trang 95 Tiếng Anh 11 Friends Global)**: Match the phrases (A - G) with paragraphs 1 - 4. (Nối các cụm từ (A - G) với các đoạn 1 - 4)  
Paragraph 1: Introduce a book  
Paragraph 2: Describe the setting  
Paragraph 3: Describe the plot and the characters  
Paragraph 4: Express your opinion and give recommendation  
A. I'd definitely recommend it.  
B. It’s set in...  
C. What I love about the book is ...  
D. It’s called .... and is written by ...  
E. It tells the story of...  
F. The story is very ....  
G. I really identify with the main character, ...  
**Đáp án:**  
Paragraph 1: D  
Paragraph 2: B  
Paragraph 3: E  
Paragraph 4: A, C, F, G  
**Hướng dẫn dịch:**  
A. Tôi chắc chắn sẽ giới thiệu nó.  
B. Nó diễn ra ở...  
C. Điều tôi thích ở cuốn sách là...  
D. Nó có tên là .... và được viết bởi ...  
E. Nó kể câu chuyện về...  
F. Truyện rất....  
G. Tôi thực sự đồng cảm với nhân vật chính, ...  
**Complete the sentences to write an entry (150-180 words) for a school writing competition ‘Your favourite book’. Describe the book and say what you liked and did not like about it. (Hoàn thành các câu để viết một bài dự thi (150-180 từ) cho cuộc thi viết 'Cuốn sách yêu thích của bạn' ở trường. Mô tả cuốn sách và nói những gì bạn thích và không thích về nó)**  
**Gợi ý:**  
My favourite book is "To Kill a Mockingbird" by Harper Lee. It's a classic American novel that tells the story of a young girl named Scout, who grows up in the Deep South during the 1930s. The book is set in a small town called Maycomb, where Scout's father, Atticus Finch, is a lawyer. The story follows Scout's coming-of-age as she learns about racism, prejudice, and injustice.  
What I love about the book is how well it captures the voice of a young girl and her perspective on the world. The characters are well-developed and complex, and the themes of the book are still relevant today. I also appreciate how the book deals with difficult topics like racism and inequality in a way that is both honest and sensitive.  
However, there were some parts of the book that I found challenging to read, particularly the graphic depictions of racism and violence. I also found some of the scenes slow-moving, which made it difficult to maintain my interest at times.  
Overall, I would highly recommend this book to anyone interested in American literature or social justice issues. It's a powerful and thought-provoking book that continues to resonate with readers today.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Cuốn sách yêu thích của tôi là "Giết con chim nhại" của Harper Lee. Đó là một cuốn tiểu thuyết cổ điển của Mỹ kể về câu chuyện của một cô gái trẻ tên Scout, lớn lên ở Deep South trong những năm 1930. Cuốn sách lấy bối cảnh ở một thị trấn nhỏ tên là Maycomb, nơi cha của Scout, Atticus Finch, là một luật sư. Câu chuyện kể về tuổi trưởng thành của Scout khi cô học về phân biệt chủng tộc, định kiến và bất công.  
Điều tôi yêu thích ở cuốn sách là nó nắm bắt tốt giọng nói của một cô gái trẻ và quan điểm của cô ấy về thế giới. Các nhân vật được phát triển tốt và phức tạp, và các chủ đề của cuốn sách vẫn còn phù hợp cho đến ngày nay. Tôi cũng đánh giá cao cách cuốn sách đề cập đến những chủ đề khó như phân biệt chủng tộc và bất bình đẳng theo cách vừa trung thực vừa nhạy cảm.  
Tuy nhiên, có một số phần trong cuốn sách mà tôi cảm thấy khó đọc, đặc biệt là những phần mô tả sinh động về phân biệt chủng tộc và bạo lực. Tôi cũng thấy một số cảnh chuyển động chậm, đôi khi khiến tôi khó duy trì được sự hứng thú.  
Nhìn chung, tôi thực sự muốn giới thiệu cuốn sách này cho bất kỳ ai quan tâm đến văn học Mỹ hoặc các vấn đề công bằng xã hội. Đó là một cuốn sách mạnh mẽ và kích thích tư duy, vẫn tiếp tục gây được tiếng vang với độc giả ngày nay.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 2: Leisure time  
Unit 3: Sustainable health  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 6: High flyers